

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

GÓI THẦU : CẢI TẠO, NÂNG CẤP VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM CỬU LONG

ĐỊA ĐIỂM : SỐ 150, ĐƯỜNG 14/9, P. THANH ĐỨC, TỈNH VĨNH LONG

BÊN MỜI THẦU: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Vĩnh Long tháng 8. năm 2025

Số: 14 /2025/TM. DCL

Vĩnh Long, ngày 26 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI THẦU

Kính gửi: Các Nhà Thầu Thi Công

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Cửu Long (Sau đây gọi là Bên mời thầu) có kế hoạch tổ chức lựa chọn Nhà thầu thực hiện Gói thầu: ***“Cải tạo, nâng cấp văn phòng Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long”*** có địa chỉ số 150, đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long kính mời các Nhà thầu đủ năng lực, quan tâm tham gia dự thầu, cụ thể như sau:

1. Thông tin gói thầu:

- Tên gói thầu: Cải tạo, nâng cấp văn phòng Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long
- Địa điểm: 150, đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long
- Hình thức lựa chọn Nhà thầu: Chào giá cạnh tranh.
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: **90 ngày** bao gồm cả ngày nghỉ, Lễ, Tết.
- Thời gian dự kiến thi công: Tháng .9./2025.
- Thời gian phát hành Hồ sơ mời thầu: Ngày 26 tháng 8 năm 2025.
- Thời gian khảo sát hiện trường: Từ ngày 26/8 đến .30. tháng 8 năm 2025.
- Thông tin liên hệ khảo sát: Mr Hiếu - Phòng KHDA, ĐT: 0989.878.408
- Hạn cuối nộp HSDT: Ngày .04 tháng .9. năm 2025.

2. Nội dung công việc chính của gói thầu:

- Phần xây dựng:
 - + Tháo dỡ nội thất, vận chuyển tập kết theo quy định Công ty
 - + Tháo dỡ các kết cấu hiện trạng cần cải tạo.
 - + Thi công cải tạo tường, vách, trần, nội thất theo hồ sơ thiết kế v.v...
- Phần cơ điện:

- + Tháo dỡ hệ thống hiện trạng.
- + Thi công, cung cấp lắp đặt các thiết bị hệ điều hòa, hệ thống điện.
- + Thi công hệ thống cấp thoát nước v.v..
- Phần CNTT:
 - + Tháo dỡ hệ thống hiện trạng.
 - + Thi công, cung cấp lắp đặt các thiết bị CNTT.
- Phần PCCC:
 - + Tháo dỡ hệ thống hiện trạng
 - + Thi công cung cấp, lắp đặt hệ thống PCCC v.v...
- Phần Nội thất:
 - + Cung cấp, lắp đặt bàn làm việc, các loại tủ theo yêu cầu

Lưu ý: Yêu cầu Nhà thầu tham dự phải thực hiện khảo sát hiện trạng để nắm rõ phạm vi công việc và thu thập thông tin. Nhà thầu không đến khảo sát xem như Hồ sơ dự thầu không hợp lệ

3. Phạm vi công việc của gói thầu:

- Nhà thầu cung cấp vật liệu, nhân công, vật liệu phụ, thiết bị máy móc và mọi chi phí cần thiết khác để thi công hoàn thành và sửa chữa mọi sai sót liên quan đến các công việc của gói thầu.
- Công việc của gói thầu bao gồm nhưng không giới hạn các Công Việc sau:
 - ✓ Nhà thầu sẽ thực hiện thi công Gói thầu theo đúng Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có) kèm theo Hồ sơ mời thầu này.
 - ✓ Chi tiết theo bảng tiên lượng mời thầu kèm Hồ sơ mời thầu này.
- Nhà thầu phải cam kết huy động đủ số lượng công nhân, cán bộ kỹ thuật có mặt trên công trường:
 - + Tháng thứ 1: tối thiểu 20 Công nhân, tối thiểu 02 Cán bộ kỹ thuật.
 - + Tháng thứ 2: tối thiểu 30 Công nhân, tối thiểu 02 Cán bộ kỹ thuật.
 - + Tháng thứ 3: tối thiểu 20 Công nhân, tối thiểu 02 Cán bộ kỹ thuật.

4. Quy định về hồ sơ chào giá:

Thành phần hồ sơ chào giá:

- a) Hồ sơ về năng lực, pháp lý của Nhà thầu:
 - ✓ Giấy đăng kinh doanh có đăng ký ngành nghề kinh doanh tương ứng.

- ✓ Cung cấp ít nhất 2 Hợp đồng thi công xây dựng có tính chất tương tự từ năm 2023 trở lại với giá trị hợp đồng ≥ 3.0 tỷ, kèm theo Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng hoặc xác nhận đã hoàn thành 80% giá trị hợp đồng. Hoặc, cung cấp ít nhất 1 Hợp đồng thi công xây dựng có tính chất tương tự từ năm 2023 trở lại với giá trị hợp đồng ≥ 6.0 tỷ, kèm theo Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng hoặc xác nhận đã hoàn thành 80% giá trị hợp đồng

b) Hồ sơ về tài chính của Nhà thầu:

- Thư dự thầu.
- Bảng giá trị dự thầu theo mẫu HSMT.

c) Hồ sơ về tài chính của Nhà thầu:

- ✓ Cung cấp ít nhất 2 Hợp đồng thi công xây dựng có tính chất tương tự từ năm 2023 trở lại với giá trị hợp đồng thi công xây dựng ≥ 3 tỷ
- ✓ Hồ sơ xuất giá: Bản chào giá tổng hợp và bản chào giá chi tiết theo bản khối lượng mời thầu. Nhà thầu tập hợp các file mềm của Hồ sơ dự thầu vào 1 thư mục sau đó nén lại vào USB được gửi kèm trong phong bì của Hồ sơ dự thầu.

Lưu ý: Nhà thầu dựa vào Hồ sơ thiết kế cũng như mặt bằng hiện trạng để kiểm tra lại khối lượng công việc và chào giá thêm phương án tối ưu (bao gồm phát sinh tăng/giảm) so với Khối lượng mời thầu của Chủ đầu tư.

5. Địa chỉ nhận Hồ sơ mời thầu và nộp Hồ sơ Dự thầu:

Nhà thầu quan tâm được nhận một bộ Hồ sơ mời thầu và các tài liệu liên quan không phải mất phí, trong giờ hành chính.

Mọi chi tiết liên hệ với Bên mời thầu:

- Phòng KHDA – Công ty Cổ phần Dược Phẩm Cửu Long
- Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại: **0907.267.869**
- Hạn cuối nộp HSDT: **16.02** ngày **04** tháng **2** năm 2025.
- Hồ sơ dự thầu phải được ký, đóng dấu bởi đại diện pháp luật của Công ty và được niêm phong gửi trực tiếp tại Công Ty (bao gồm 1 bản chính 02 Bản scan và file mềm qua USB)

- Hồ sơ đề xuất sẽ được Bên mời thầu mở nội bộ sau thời điểm đóng thầu và thông báo kết quả lựa chọn đến các Nhà thầu sau khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

Trân trọng!

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI THẦU



LƯƠNG NGỌC LƯỢNG



A blue ink handwritten signature at the bottom right corner of the page.

MỤC LỤC

PHẦN A – PHẠM VI CÔNG VIỆC, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU	
I. <u>PHẠM VI CÔNG VIỆC</u>	
II. <u>YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT</u>	
III. <u>HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG</u>	
IV. <u>BẢNG TIỀN LƯƠNG</u>	
PHẦN B – ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG	

74

PHẦN A – PHẠM VI CÔNG VIỆC, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

I. PHẠM VI CÔNG VIỆC

1. Công tác chuẩn bị:

1.1. Tiếp nhận, quản lý mặt bằng xây dựng được bàn giao, tiếp nhận và bảo quản thiết bị, hệ thống hiện hữu đang hoạt động và duy trì không làm ảnh hưởng hệ thống khi nhận bàn giao.

1.2. Chuẩn bị công trường phục vụ thi công trong phạm vi công việc của Nhà thầu.

1.3. Nhà thầu chịu chi phí đi lại, kiểm tra khảo sát mặt bằng trước khi thi công, công việc này nằm trong chi phí gói thầu.

1.4. Các Công việc tạm thời do Nhà thầu chịu trách nhiệm, bao gồm nhưng không giới hạn các hạng mục dưới đây:

1.4.1 Cung cấp điện thi công: Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp vật tư và thiết bị (dây, ổ cắm, ..) cần thiết để kết nối với hệ thống điện trục chính của Chủ đầu tư tại công trường phục vụ thi công Công Việc của Nhà thầu.

1.4.2 Cung cấp nước thi công: Nhà thầu không phải chịu trách nhiệm cung cấp nước nhưng phải có trách nhiệm bảo quản, duy trì toàn bộ hệ thống cấp nước tại công trường.

1.4.3 Văn phòng công trường (nếu có): Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc cung cấp và duy trì văn phòng tạm và các công trình chức năng (nếu có) tại công trường phục vụ nhân sự của Nhà thầu. Vị trí Văn Phòng tạm của Nhà thầu (nếu có) phải có sự thỏa thuận và chấp thuận của Chủ đầu tư (theo chỉ số công tơ sử dụng).

1.4.4 Kho tạm thời: Nhà thầu có thể tự xây dựng kho tạm tại Công Trường (nếu có) và được sự cho phép của Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về vấn đề an toàn, an ninh đối với vật liệu, trang thiết bị. Vị trí Kho tạm thời phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

2. Công tác thi công:

2.1. Chuẩn bị Biện pháp thi công của Nhà thầu theo nội dung Hợp đồng.

2.2. Lập biện pháp tổ chức thi công Gói thầu theo đúng HSTK và Chỉ dẫn kỹ thuật được phê duyệt;

2.3. Cung cấp đầy đủ vật liệu cần thiết, nhân lực, máy và thiết bị thi công để đảm bảo tiến độ thi công theo Hợp đồng và theo yêu cầu của Chủ đầu tư;

2.4. Thi công:

2.4.1 Huy động đủ số lượng Cán bộ kỹ thuật, công nhân theo yêu cầu

2.4.2 Thi công theo đúng hồ sơ thiết kế, biện pháp thi công được phê duyệt và Hồ sơ thiết kế (sửa đổi, điều chỉnh, nếu có) được phê duyệt theo đúng quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng hiện hành, được Chủ đầu tư/ Tư vấn giám sát chấp thuận nghiệm thu.

2.4.3 Lập hồ sơ quản lý chất lượng và pháp lý, hồ sơ thanh quyết toán gói thầu theo quy định để Chủ đầu tư/ Tư vấn giám sát phê duyệt. Tiến hành thi công gói thầu theo đúng hồ sơ thiết kế, quy trình, quy phạm kỹ thuật đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn trong quá trình thi công.

2.4.4 Xử lý, khắc phục các sai sót, khuyết điểm về chất lượng nếu do lỗi của Nhà

thầu gây ra;

2.4.5 Chi tiết công việc theo bảng tiên lượng mời thầu.

3. Công tác An toàn lao động, vệ sinh môi trường

3.1. Thực hiện các công tác đảm bảo an toàn, bảo vệ, và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trong phạm vi công việc của Nhà thầu;

3.2. Quy định chung của Gói thầu “Cải tạo, nâng cấp văn phòng Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long”: Kỹ sư công nhân được giao nhiệm vụ triển khai gói thầu phải tuân thủ các điều kiện, các quy định chung của Công ty để giữ môi trường xung quanh sạch sẽ trong suốt quá trình thi công tới khi hoàn thành và bàn giao “Công Việc”. Nếu Nhà thầu vi phạm, Nhà thầu sẽ bị xử phạt theo quy định của Chủ đầu tư.

3.3. Nhà thầu sẽ bị phạt vi phạm an toàn lao động nếu không tuân thủ chặt chẽ quy định an toàn của Chủ đầu tư.

3.4. Vệ sinh, thu gom vật liệu, rác thải trong phạm vi thi công tập kết đúng địa điểm quy định của Nhà Máy, Nhà thầu có trách nhiệm dọn dẹp và vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác thải thi công hàng ngày ra khỏi Nhà máy.

3.5. Thu dọn, vệ sinh công nghiệm bàn giao công trình sau khi hoàn thành;

4. Bảo hành công trình:

Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành sản phẩm trong thời hạn **12 tháng** kể từ ngày ký biên bản bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

5. Liên lạc và điều phối:

5.1. Hợp tác với các Nhà thầu khác thi công trên công trường. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị khác tham gia thi công trên công trình để thi công các phần việc liên quan và chuyển tiếp giữa hai đơn vị nhằm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và tiến độ chung của công trình.

5.2. Nhà thầu sẽ liên lạc và phối hợp với Giám sát của Chủ Đầu Tư, Nhà thầu khác và các đơn vị liên quan trong suốt quá trình thi công xây dựng để đảm bảo mọi công việc được tiến hành suôn sẻ, khớp nối với các bộ phận, các Nhà thầu, không được phát sinh các vấn đề không kiểm soát được.

5.3. Báo cáo công việc hàng tuần: Nhà thầu sẽ chuẩn bị và đệ trình báo cáo công việc hàng tuần theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

6. Phạm vi công việc của Bên mời thầu

6.1 Cung cấp mặt bằng đảm bảo tiến độ thi công.

6.2 Hỗ trợ Cung cấp nguồn điện, nước để nhà thầu đấu nối lắp đồng hồ thi công.

7 Các nội dung khác

Những nội dung chưa đề cập ở trên được xem là phạm vi và trách nhiệm của Nhà thầu.

II. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Nhà thầu phải tuân thủ theo các yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật thể hiện trên bản vẽ thiết kế thi công/ Biện pháp thi công và các thay đổi của Chủ đầu tư trong quá trình thi công.

Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam cho công tác thi công và nghiệm thu.

III. HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

Danh mục bản vẽ đính kèm Hồ sơ yêu cầu bao gồm: Hồ sơ thiết kế và các bản vẽ liên

quan đến gói thầu (nếu có).

Chi tiết theo Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công kèm theo Hồ sơ mời thầu khi nhà thầu đến khảo sát

IV. BẢNG TIÊN LƯỢNG

Theo file đính kèm.



PHẦN B – ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Mục	Nội dung công việc
Chủ đầu tư	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG
Nhà thầu	CÔNG TY
Gói thầu	Cải tạo, nâng cấp văn phòng Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long
Hình thức hợp đồng	- Hợp đồng theo đơn giá cố định, không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện. - Khối lượng hợp đồng là tạm tính, khối lượng thanh quyết toán là khối lượng thi công được Chủ đầu tư nghiệm thu, phê duyệt.
Nội dung Giá Hợp đồng	- Giá trị Hợp đồng là giá trị tạm tính đối với toàn bộ các hạng mục công việc được Hai Bên thỏa thuận tại Hợp đồng này; giá trị quyết toán sẽ xác định theo khối lượng thi công thực tế Nhà thầu bàn giao cho Chủ đầu tư và được Chủ đầu tư nghiệm thu (“Giá trị quyết toán”). - Giá Hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các chi phí để thực hiện Công Việc quy định tại của Hợp đồng Bao gồm tất cả các khoản chi phí cần thiết liên quan như như: ✓ Chi phí vật tư, nhân công, máy thi công, chi phí thi công; ✓ Chi phí điều hành, quản lý thi công và lợi nhuận của Nhà thầu; ✓ Chi phí biện pháp thi công; ✓ Chi phí phối hợp với các Nhà thầu khác có liên quan (nếu có), ✓ Thuế xuất nhập khẩu, các loại thuế, phí, lệ phí khác (nếu có) theo quy định của Pháp luật Việt Nam; ✓ Chi phí thủ tục hải quan (đối với Vật tư nhập khẩu), vận chuyển hàng về chân Công trình, bốc dỡ, lắp đặt và các chi phí cần thiết khác; ✓ Phí bảo lãnh và các chi phí khác liên quan đến trách nhiệm của Nhà thầu theo Hợp đồng (nếu có); ✓ Chi phí nghiệm thu, chi phí bảo hành; ✓ Chi phí cho các các khoản phí bảo hiểm cho bên thứ ba, bảo hiểm cho toàn bộ nhân sự của Nhà thầu, bảo hiểm Máy móc, Hàng hoá, Thiết bị của Nhà thầu phục vụ cho việc cung cấp và thi công Hạng Mục và/hoặc Công Trình; ✓ Các chi phí khác cho việc cung cấp, vận chuyển, thi công, lắp đặt theo Phạm vi công việc của Nhà thầu và theo thỏa thuận của Các Bên; ✓ Các loại Thuế, Phí và các loại chi phí hợp lý khác để Nhà thầu hoàn thành Công Việc theo Hợp đồng này đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Mục	Nội dung công việc
	- Giá trị Hợp đồng đã bao gồm: ✓ Chi phí tiện ích công trường: chi phí vệ sinh chung, sử dụng nhà vệ sinh công trường cho công nhân. ✓ Chi phí tiêu hao điện, nước thi công trên Công Trường;
Tạm ứng-thanh toán	- Tạm ứng hợp đồng: 30% giá trị hợp đồng sau thuế. - Thanh toán giai đoạn: Thanh toán đến 90% giá trị hoàn thành được nghiệm thu, có khấu trừ 100% giá trị tạm ứng - Việc thanh toán giai đoạn thực hiện 01 lần duy nhất khi nhà thầu thi công hoàn thành công tác mái kết cấu mái và xây tô, lắp các cửa đi, cửa sổ, lát nền gạch
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	- Giá trị: Bằng 5% giá trị hợp đồng - Hiệu lực: bằng thời gian thực hiện hợp đồng + 10 ngày
Bảo lãnh tạm ứng	- Giá trị: Bằng giá trị tạm ứng - Hiệu lực: Bằng thời gian thực hiện hợp đồng
Bảo lãnh bảo hành	5% giá trị quyết toán
Tiền độ	- Tổng tiền độ: 90 ngày từ ngày bàn giao mặt bằng thi công. - Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiền độ thi công chi tiết trong vòng 07 từ ngày ký Hợp đồng.
Phạt hợp đồng	- Trường hợp Bên B chậm tiến độ thực hiện Công Việc theo bản tiến độ chi tiết được Bên A phê duyệt mà không do Sự Kiện Bất Khả Kháng và/hoặc không do lỗi của Bên A, Bên B sẽ chịu phạt 10.000.000 đồng (<i>mười triệu đồng</i>) cho mỗi ngày chậm tiến độ, trường hợp đến khi hoàn thành hợp đồng mà bên B đạt được tiến độ hợp đồng thì bên A sẽ thưởng lại cho Bên B toàn bộ giá trị đã phạt do chậm tiến độ. Tổng số tiền phạt chậm tiến độ không quá 12% giá trị Hợp đồng. Nếu tổng số tiền phạt quá 12% giá trị HĐ thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và không phải bồi thường bất cứ chi phí nào cho Bên B. - Trường hợp Bên B chậm hoàn thành Công Việc theo quy định của Hợp Đồng mà không do Sự Kiện Bất Khả Kháng và/hoặc không do lỗi của Bên A, Bên B sẽ chịu phạt 10.000.000 đồng (<i>mười triệu đồng</i>) cho mỗi ngày chậm tiến độ, nhưng tổng tiền phạt không vượt quá 12% (<i>mười hai phần trăm</i>) Giá Trị Hợp Đồng - Trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng sản phẩm (sử dụng vật tư, vật liệu, thiết bị để thi công không đảm bảo chất lượng, khối lượng, không đúng chủng loại, không đúng quy cách đã được Bên A phê duyệt) và/hoặc vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng thi công, Bên B sẽ phải khắc phục, sửa chữa trong thời hạn 05 (năm) ngày và chịu mọi chi phí kiểm tra, kiểm định, khắc phục, sửa chữa cho đến khi đạt yêu cầu về chất lượng theo yêu cầu của Bên A. Thời gian khắc phục sửa chữa này không được tính thêm vào thời gian thực hiện Hợp

Mục	Nội dung công việc
	đồng. Nếu Bên B không khắc phục được vi phạm theo quy định nêu trên, Bên A sẽ thuê 1 Bên thứ 3 thực hiện công việc đó, toàn bộ chi phí do Bên B chi trả và Bên B sẽ phải chịu thêm mức phạt bằng 12% (mười hai phần trăm) phần giá trị hợp đồng vi phạm.
Nghiệm thu sản phẩm	- Quy trình, các bước nghiệm thu: - Nghiệm thu vật liệu đầu vào; - Nghiệm thu cấu kiện khi chuyển đến công trường, trước khi lắp đặt; - Nghiệm thu lắp đặt sơ bộ. - Nghiệm thu lắp đặt hoàn chỉnh. - Bên A có quyền không nghiệm thu các sản phẩm không đạt yêu cầu trong bất kỳ giai đoạn nào mà không chịu trách nhiệm về các thiệt hại do sản phẩm không đạt gây ra. Kể cả các sản phẩm đã nghiệm thu trước đó nhưng không đạt trong giai đoạn nghiệm thu tiếp theo. - Bên A có quyền yêu cầu lấy một cấu kiện ngẫu nhiên tại dự án trong bất kỳ giai đoạn nào để thí nghiệm kiểm tra, đánh giá chất lượng. Trường hợp sản phẩm được sản xuất theo đúng tiêu chuẩn quy định trong hợp đồng thì tất cả chi phí (vật tư, nhân công, thí nghiệm) sẽ do Bên A chịu. Trường hợp cấu tạo sản phẩm không đúng theo quy định thì tất cả các chi phí do Bên B chịu.
Quyết toán Hợp đồng	- Sau khi Công trình hoàn thành, đã được Nghiệm Thu Đưa Vào Sử Dụng, Hai Bên căn cứ vào các quy định Hợp đồng, các Phụ lục Hợp đồng (nếu có) và các quy định hiện hành của Nhà nước để quyết toán và thanh lý Hợp đồng theo quy định. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 100% (một trăm phần trăm) giá trị quyết toán Hợp đồng được phê duyệt (đã bao gồm giá trị tạm ứng Hợp đồng). - Phần giá trị còn lại 5% (năm phần trăm) được để bảo hành Công trình Nhà thầu phát hành chứng thư bảo lãnh, bảo hành của một ngân hàng theo quy định pháp luật. - Thời gian để Bên B trình Hồ sơ quyết toán Hợp đồng này trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Bên B kết thúc các công việc của Hợp đồng. - Thời gian để Bên A phê duyệt giá trị quyết toán của Bên B trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được Hồ Sơ Quyết Toán hợp lệ của Bên B
Bảo hành	12 tháng cho toàn bộ sản phẩm kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

Số: /2025/HĐXD/DCL-.....

Gói thầu: Cải tạo, nâng cấp văn phòng Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long

Địa điểm: Số 150, đường 14/9, P. Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

GIỮA:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

VÀ

CÔNG TY

Vĩnh Long , tháng năm 2025

MỤC LỤC

Điều 1.	Các Định nghĩa và Diễn giải:	3
Điều 2.	Hồ sơ của Hợp Đồng và thứ tự ưu tiên	5
Điều 3.	Luật và Ngôn ngữ sử dụng trong Hợp Đồng.....	5
Điều 4.	Nội dung, Khối lượng và Phạm vi công việc của Hợp Đồng.....	6
Điều 5.	Yêu cầu về chất lượng, Nghiệm thu, Bàn giao.....	7
Điều 6.	Thời gian và Tiến độ thực hiện của Hợp Đồng.....	10
Điều 7.	Hình thức, Giá Hợp Đồng, Tạm ứng và Thanh toán Hợp Đồng.....	12
Điều 8.	Phát sinh và Điều chỉnh giá Hợp Đồng	16
Điều 9.	Bảo đảm thực hiện Hợp Đồng, Bảo Lãnh Tạm Ứng, Bảo Lãnh Bảo Hành	18
Điều 10.	Bảo Hiểm và Bảo Hành.....	18
Điều 11.	Quyền và Nghĩa vụ của Bên A	19
Điều 12.	Quyền và Nghĩa vụ của Bên B	21
Điều 13.	An toàn lao động, Bảo vệ môi trường; Phòng chống cháy nổ; Điện, Nước và Các tiện ích khác, An ninh công trường	26
Điều 14.	Tạm dừng và chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A	28
Điều 15.	Tạm dừng và chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên B.....	30
Điều 16.	Bất Khả Kháng	31
Điều 17.	Bồi thường thiệt hại.....	32
Điều 18.	Phạt vi phạm Hợp Đồng.....	32
Điều 19.	Giải quyết tranh chấp;	34
Điều 20.	Thanh lý Hợp Đồng.....	34
Điều 21.	Điều khoản chung.....	34
PHỤ LỤC A:	BẢNG CHI TIẾT GIÁ HỢP ĐỒNG.....	35
PHỤ LỤC B:	BẢNG YÊU CẦU VẬT LIỆU THI CÔNG	36
PHỤ LỤC C:	CÁC MẪU BẢO LÃNH.....	1

PHẦN I. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;
- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;
- Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP quản lý chất lượng, thi công và bảo trì Công trình xây dựng;
- Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về Hợp đồng xây dựng;
- Kết quả đàm phán, thương thảo các điều kiện Hợp đồng giữa hai bên;

PHẦN II. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày tháng năm 2025, tại trụ sở Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long, chúng tôi gồm Các Bên dưới đây:

1. BÊN GIAO THẦU: (sau đây gọi tắt là BÊN A)

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**
Đại diện :
Chức vụ :
Địa chỉ :
Điện thoại : Fax:.....
Tài khoản số :
Mã số thuế :

2. BÊN NHẬN THẦU: (sau đây gọi tắt là BÊN B)

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**
Đại diện :
Chức vụ :
Địa chỉ :
Điện thoại : Fax:.....
Tài khoản số :
Mã số thuế :

Bên A và Bên B, sau đây được gọi chung là “**Hai Bên**” hoặc “**Các Bên**” và gọi riêng là “**Bên**” hoặc “**Mỗi Bên**”, tùy theo ngữ cảnh.

Các Bên đã bàn bạc, thỏa thuận và cùng thống nhất ký kết Hợp Đồng thi công gói thầu “**Cải tạo, nâng cấp văn phòng Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long**” với những điều kiện và điều khoản như sau:

Điều 1. Các Định nghĩa và Diễn giải:



Trong Hợp Đồng thi công này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. **“Bên A”** là Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long ;
- 1.2. **“Bên B”** là Công ty;
- 1.3. **“Gói thầu”**: **Cải tạo, nâng cấp văn phòng Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long**
- 1.4. **“Hợp Đồng”** được hiểu là Hợp Đồng thi công này bao gồm cả các phụ lục kèm theo được ký kết bởi Bên A và Bên B và tất cả các văn bản khác được Các Bên thỏa thuận tạo thành một phần của Hợp Đồng kể cả những văn bản chưa được liệt kê là tài liệu của Hợp Đồng tại thời điểm ký kết.
- 1.5. **“Công Việc”** được hiểu là các công việc mà Bên B có nghĩa vụ phải thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này, các phụ lục bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp Đồng và các công việc khác để hoàn thiện các công việc thuộc nghĩa vụ/trách nhiệm của Bên B theo quy định tại Hợp Đồng này và/hoặc quy định của pháp luật.
- 1.6. **“Giá Trị Hợp Đồng”** được hiểu là tổng số tiền tạm tính nêu tại Điều 7.2 Hợp Đồng mà Bên A phải thanh toán cho Bên B khi Bên B thực hiện các Công Việc theo Hợp Đồng này.
- 1.7. **“Giá Trị Quyết Toán”** được hiểu là tổng số tiền mà Bên A thanh toán cho các Công Việc Bên B hoàn thành trên thực tế và được Bên A nghiệm thu.
- 1.8. **“Vật Tư”** hay **“Vật Liệu”** được hiểu là vật tư và/hoặc vật liệu và/hoặc thiết bị và/hoặc hàng hóa và/hoặc sản phẩm hoàn thiện được Bên B sản xuất và/hoặc gia công và/hoặc cung cấp cho Bên A theo quy định của Hợp Đồng này.
- 1.9. **“Đại diện Bên A”** được hiểu là người được Bên A nêu ra trong Hợp Đồng hoặc được Bên A ủy quyền/chỉ định thay mặt cho Bên A thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên A theo Hợp Đồng này.
- 1.10. **“Đại diện Bên B”** được hiểu là người được Bên B nêu ra trong Hợp Đồng hoặc được Bên B ủy quyền/chỉ định thay mặt cho Bên B thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên B theo Hợp Đồng này.
- 1.11. **“Nhà thầu Phụ”** được hiểu là tổ chức hay cá nhân giao kết Hợp Đồng với Bên B để trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ Công Việc của Bên B.
- 1.12. **“Nhân Lực”** được hiểu là cá nhân chịu sự quản lý về lao động của Bên A và/hoặc của Bên B có đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện Công Việc theo quy định của Hợp Đồng này.
- 1.13. **“Thiết Bị Thi Công”** được hiểu là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các phương tiện, thiết bị khác yêu cầu phải có để Bên B thi công và sửa chữa bất cứ sai sót nào (nếu có).
- 1.14. **“Bên Thứ Ba”** được hiểu là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào không tham gia ký kết Hợp Đồng này.
- 1.15. **“Ngày hoặc ngày”** được hiểu là ngày dương lịch và **Tháng hoặc tháng**: được hiểu là tháng dương lịch.

- 1.16. **“Ngày Làm Việc”** được hiểu là bất kỳ ngày nào, trừ Chủ Nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam và quyết định của Cơ Quan Có Thẩm Quyền.
- 1.17. **“Sự Kiện Bất Khả Kháng”** được hiểu là sự kiện được quy định tại Điều 16.1 của Hợp Đồng.
- 1.18. **“Luật”** hay **“Pháp Luật Việt Nam”** được hiểu là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.19. **“Chỉ dẫn kỹ thuật”/ “Thuyết minh kỹ thuật”** là các chỉ tiêu, tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định cho công trình và những sửa đổi hoặc bổ sung cho các chỉ tiêu, tiêu chuẩn kỹ thuật đó.
- 1.20. **“Bản vẽ thiết kế”** là tất cả các bản vẽ, bảng tính toán, thuyết minh và thông tin kỹ thuật tương tự của công trình do Bên A cấp cho Bên B hoặc do Bên B lập đã được Bên A chấp thuận.
- 1.21. **“Bên”** là Bên A hoặc Bên B tùy theo ngữ cảnh (yêu cầu) diễn đạt.
- 1.22. **“Công Trường”** được hiểu là địa điểm Bên A giao cho Bên B để thi công Công Trình cũng như bất kỳ địa điểm nào khác được quy định trong Hợp Đồng.

Điều 2. Hồ sơ của Hợp Đồng và thứ tự ưu tiên

- 2.1. Hồ Sơ Hợp Đồng bao gồm các tài liệu làm căn cứ ký kết Hợp Đồng; các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này;
- 2.1.1 Hợp Đồng và Phụ lục kèm theo Hợp Đồng này:
- (i) Phụ lục A. Bảng chi tiết giá Hợp Đồng
 - (ii) Phụ lục B. Bảng quy cách, chủng loại vật liệu sử dụng
 - (iii) Phụ lục C. Các mẫu Bảo Lãnh;
- 2.1.2 Hồ sơ thiết kế và những thay đổi, điều chỉnh được phê duyệt
- 2.1.3 Chỉ dẫn kỹ thuật.
- 2.1.4 Hồ sơ mời thầu.
- 2.1.5 Hồ sơ dự thầu.
- 2.1.6 Và các văn bản, tài liệu khác có liên quan đến việc ký kết, thực hiện Hợp Đồng được Các Bên thỏa thuận tạo thành một phần của hồ sơ Hợp Đồng kể cả những văn bản chưa được liệt kê là tài liệu của hồ sơ Hợp Đồng tại thời điểm ký kết Hợp Đồng này.
- 2.2. Thứ tự ưu tiên của các tài liệu: Nguyên tắc những tài liệu cấu thành nên Hồ Sơ Hợp Đồng là bộ phận không tách rời của Hợp Đồng, quan hệ thống nhất giải thích tương hỗ cho nhau, nhưng nếu có điểm nào không rõ ràng hoặc không nhất quán thì Các Bên có trách nhiệm trao đổi và thống nhất. Trường hợp, Các Bên không thống nhất được thì thứ tự ưu tiên các tài liệu cấu thành Hồ Sơ Hợp Đồng để xử lý vấn đề này được qui định theo thứ tự từ trên xuống dưới tại Điều 2.1 [*Hồ sơ của Hợp Đồng*] của Hợp Đồng này. Riêng đối với phần kỹ thuật, vật tư, thiết bị nếu có sự khác biệt giữa các tài liệu thì sẽ ưu tiên áp dụng theo các yêu cầu cao nhất tại văn bản cuối cùng được thống nhất giữa Các Bên.

Điều 3. Luật và Ngôn ngữ sử dụng trong Hợp Đồng

- 3.1. Hợp Đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống Pháp luật Việt Nam.

3.2. Ngôn ngữ của Hợp Đồng: bằng Tiếng Việt

Điều 4. Nội dung, Khối lượng và Phạm vi công việc của Hợp Đồng

4.1. Nội dung Hợp Đồng:

Theo Hợp Đồng này, Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện: gói thầu: “Cải tạo, nâng cấp văn phòng Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long” theo Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của công trình, (kể cả phần sửa đổi được Bên A chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được Bên A chấp thuận và hồ sơ Hợp Đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và các thỏa thuận khác trong Hợp Đồng.

4.2. Khối lượng hợp đồng:

Khối lượng nghiệm thu theo thực tế thi công của Bên B được Bên A nghiệm thu. Khối lượng phát sinh tăng hay giảm được hiểu là những phần việc tăng hay giảm so với bản vẽ được giao khi ký hợp đồng.

4.3. Phạm vi công việc của Hợp Đồng:

4.3.1 Bên B sẽ thi công gói thầu theo đúng Hồ sơ thiết kế BVTC, biện pháp thi công được phê duyệt bao gồm nhưng không giới hạn những nội dung chính sau:

- (i) Chuẩn bị mặt bằng, lán trại và các hạng mục phụ trợ để phục vụ tổ chức thi công.
- (ii) Tiếp nhận, quản lý mặt bằng từ Bên A bàn giao để tiến hành thi công;
- (iii) Biện pháp thi công của Bên B theo nội dung Hợp Đồng.
- (iv) Cung cấp đầy đủ vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công để đảm bảo tiến độ thi công theo Hợp Đồng.
- (v) Thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế được phê duyệt và những sửa đổi, thay đổi thiết kế được chấp thuận;
- (vi) Xử lý, khắc phục các sai sót, khuyết điểm về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng và các hư hỏng do lỗi của Bên B đối với các công việc do Nhà thầu khác thi công (nếu có);
- (vii) Thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng theo quy định hiện hành.
- (viii) Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực Công Trường,
- (ix) Thực hiện các công tác đảm bảo an toàn, bảo vệ, và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ theo yêu cầu Bên A;
- (x) Hợp tác với các Nhà thầu khác thi công trên công trường;
- (xi) Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành;
- (xii) Lập hồ sơ chất lượng, các hồ sơ liên quan tới công tác nghiệm thu công việc
- (xiii) Tổ chức nghiệm thu với Bên A;
- (xiv) Thực hiện bảo hành theo quy định.

4.4. Chi tiết phạm vi Công Việc theo Hợp Đồng

Chi tiết Công Việc được quy định tại **Phụ lục A** [*Bảng chi tiết giá Hợp Đồng*] kèm Hợp Đồng này.

Điều 5. Yêu cầu về chất lượng, Nghiệm thu, Bàn giao

5.1. Yêu cầu về chất lượng

5.1.1 Bên B chịu trách nhiệm thực hiện Công Việc theo Hồ sơ thiết kế BVTC và những thay đổi, điều chỉnh được chấp thuận (nếu có), chỉ dẫn kỹ thuật đã được Bên A phê duyệt; phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh môi trường theo quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu của Bên A.

5.1.2 Yêu cầu chất lượng Vật Tư:

- (i) Vật Tư phải đảm bảo đúng chủng loại theo quy định tại Hồ sơ Hợp Đồng; đúng tiêu chuẩn kỹ thuật được Bên A chấp nhận; có chất lượng như trong hồ sơ thiết kế và phải được Bên A phê duyệt trước khi đưa vào thi công;
- (ii) Bên B cung cấp vật tư đưa vào thi công lắp đặt phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng theo Hồ sơ thiết kế, biện pháp thi công được Bên A phê duyệt. Toàn bộ sản phẩm do Bên B đưa vào thi công phải là mới 100% (một trăm phần trăm), chưa qua sử dụng, đáp ứng các công bố về chất lượng của Nhà sản xuất (nếu có), trừ trường hợp có thỏa thuận riêng.
- (iii) Bên B không được phép tự ý thay đổi các loại vật liệu và quy cách kỹ thuật của vật liệu, sản phẩm. Trong trường hợp nếu thấy cần thiết phải thay đổi, thì phải thay đổi bằng những vật tư, phụ kiện có chất lượng, tiêu chuẩn tương đương hoặc tốt hơn vật tư, thiết bị, sản phẩm đã cam kết trong Hợp Đồng và phải được Bên A đồng ý bằng văn bản chính thức trước khi tiến hành thi công. Bên A có quyền kiểm tra bất kỳ sản phẩm nào đã gia công được chuyển về công trình, nếu sản phẩm không đảm bảo chất lượng theo quy định thì Bên A sẽ không chấp nhận nghiệm thu và thanh toán toàn bộ lô hàng đó cho Bên B.
- (iv) Trường hợp Bên A nghi vấn sản phẩm không đúng như đặc tính kỹ thuật đã được phê duyệt thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B đem vật liệu, sản phẩm đi thí nghiệm. Nếu đạt theo đúng thiết kế thì chi phí thí nghiệm do Bên A chịu; nếu sai, không đúng thiết kế và đạt yêu cầu thì chi phí thí nghiệm Bên B chịu.
- (v) Vật Tư phải có đầy đủ chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa (Certificate of Origin - C/O) của nước sản xuất và chứng nhận chất lượng (Certificate of Quality - C/Q) của nhà sản xuất theo quy định, chứng nhận bảo hành, các giấy phép, chứng nhận kiểm nghiệm, kiểm định ...theo quy định Pháp Luật hiện hành hoặc được yêu cầu theo Hợp Đồng này;

- (vi) Vật Tư phải được lấy mẫu thí nghiệm, kiểm nghiệm chất lượng có sự chứng kiến của Bên A. Việc thí nghiệm này phải được thực hiện bởi Phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định. Số lượng và chủng loại thí nghiệm tuân theo quy định hiện hành và quy định tại Hồ sơ Hợp Đồng. Toàn bộ các chi phí kiểm nghiệm sẽ do Bên B chịu;
- (vii) Những Vật Tư không bảo đảm về chủng loại, chất lượng, các tiêu chuẩn kỹ thuật cũng như bản vẽ thiết kế, v.v... buộc phải di chuyển khỏi Công Trường ngay khi Bên A yêu cầu. Trường hợp Bên B không chấp thuận chuyển số Vật Tư không đạt yêu cầu trên, Bên A sẽ thuê Bên Thứ Ba thực hiện. Chi phí để trả cho Bên Thứ Ba sẽ do Bên B thanh toán hoặc được trừ vào giá trị thanh toán của Bên B.

5.1.3 Thiết Bị Thi Công:

Thiết Bị Thi Công đưa vào Công Trường phải có đầy đủ hồ sơ pháp lý; đảm bảo đã được kiểm định và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của pháp luật, giấy tờ kiểm định còn hiệu lực sử dụng. Những Thiết Bị Thi Công không bảo đảm các yêu cầu trên buộc phải di chuyển khỏi Công Trường ngay khi Bên A yêu cầu. Chi phí cho việc di dời này sẽ do Bên B chịu. Trường hợp Bên B không chấp thuận di chuyển số Thiết Bị Thi Công không đạt yêu cầu ra khỏi Công Trường, Bên A sẽ thuê Bên Thứ Ba thực hiện. Chi phí để trả cho Bên Thứ Ba sẽ do Bên B thanh toán hoặc được trừ vào giá trị thanh toán của Bên B.

5.1.4 Biện pháp thi công

Trong vòng 5 (năm) ngày sau khi ký Hợp Đồng, Bên B phải lập và trình cho Bên A biện pháp thi công để kiểm tra, phê duyệt. Biện pháp thi công bao gồm phương án tổ chức thi công, tập kết Vật Tư, sắp xếp Thiết Bị Thi Công tại Công Trường; phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động xung quanh; phù hợp với yêu cầu công nghệ, tiến độ cung cấp Vật Tư, Thiết Bị Thi Công; phù hợp với tiến độ xây dựng và điều kiện thực tế tại Công Trường.

5.2. Kiểm tra, giám sát của Bên A.

- 5.2.1 Bên A có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Bên B liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng. Bên A được quyền vào các nơi trên đây chuyển sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở trên công trường thực hiện công tác kiểm tra, nghiệm thu và Bên B sẽ tạo mọi điều kiện cho người của Bên A để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm ảnh hưởng tới bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Bên B.
- 5.2.2 Đối với các phần Công Việc thuộc phạm vi phải kiểm tra, nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công, sau khi Bên B thực hiện xong mà phần Công Việc đó bị phủ lấp, phá dỡ, vận chuyển đi,... thì Bên B phải thông báo cho Bên A để kiểm tra, nghiệm thu trước khi Công Việc đó bị phủ lấp, phá dỡ,... để chuyển

giai đoạn thi công. Trường hợp Bên B không thông báo thì phần Công Việc đó coi như không được chấp nhận, trừ trường hợp Bên A có quyết định khác.

5.3. Nghiệm thu các Công Việc hoàn thành và bàn giao Công Trình

5.3.1 Sau khi một phần hoặc toàn bộ các Công Việc theo Hợp Đồng được hoàn thành, đáp ứng yêu cầu của Hợp Đồng thì Bên B sẽ thông báo cho Bên A để tiến hành nghiệm thu Công Việc. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu nghiệm thu của Bên B, Bên A phải cử người tham gia nghiệm thu Công Việc.

5.3.2 Bên A chỉ nghiệm thu các Công Việc của Hợp Đồng khi các Công Việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại **Điều 5.1 [Yêu cầu về chất lượng]** nêu trên và quy định khác của Hợp Đồng. Nếu Bên A không đồng ý nghiệm thu, Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản trong đó nêu cụ thể lý do không nghiệm thu và những công việc mà Bên B cần phải làm để được cấp Biên bản nghiệm thu.

5.3.3 Căn cứ nghiệm thu Công Việc: Hồ sơ Hợp Đồng; thiết kế được duyệt và sửa đổi thiết kế được duyệt (nếu có); biện pháp thi công đã được Bên A phê duyệt (nếu có); các văn bản quy phạm pháp luật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các hồ sơ tài liệu khác có liên quan.

5.3.4 Thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu, bàn giao gồm (theo quy định của Bên A)

5.3.5 Hồ sơ nghiệm thu bao gồm:

- (i) Nhật ký thi công, bản vẽ hoàn công hoặc bản vẽ sơ họa hoàn công: bản gốc;
- (ii) Biên bản nghiệm thu chất lượng Công Việc Bên B hoàn thành có xác nhận của Bên A: bản gốc;
- (iii) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa do nước sản xuất cấp (CO) (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực), Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa do nhà sản xuất/cung cấp phát hành (CQ) (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực) của Vật Tư (nếu có);
- (iv) Kết quả thí nghiệm Vật Tư, kiểm tra chất lượng vật của liệu: bản gốc;
- (v) Các tài liệu khác có liên quan theo quy định pháp luật và yêu cầu của Bên A.
- (vi) Hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ chất lượng công trình phải tuân thủ đúng các quy định của Bên A.

5.3.6 Sau khi Công Việc đủ điều kiện để nghiệm thu toàn bộ, Hai Bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao Công Trình hoàn thành và đưa vào sử dụng ("**Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng**").

Điều kiện nghiệm thu, bàn giao:

- (i) Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao hạng mục công trình hoàn thành theo quy định của Pháp luật về xây dựng và

một số quy định riêng của Bên A. Bên B thì công đảm bảo tiến độ hợp đồng.

- (ii) Bên B hoàn thành công tác dọn dẹp, vệ sinh mặt bằng theo yêu cầu của Bên A.
- (iii) Và các Công Việc khác để hoàn thành khối lượng theo nội dung Hợp Đồng.

5.4. Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu và/hoặc Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng, Mỗi Bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện ghi trong biên bản nghiệm thu/Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng tại thời điểm đó. Hợp Đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

5.5. Trách nhiệm của Bên B đối với các sai sót

Bằng kinh phí của mình Bên B phải:

- 5.5.1 Hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu/Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng.
- 5.5.2 Trường hợp biên bản nghiệm thu/Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng không quy định về ngày hết hạn sửa chữa sai sót, Bên A sẽ ấn định và thông báo cho Bên B về ngày để hoàn thành việc sửa chữa các sai sót hay hư hỏng này. Thời gian Bên A ấn định để Bên B sửa chữa các sai sót không được hiểu là Bên A gia hạn thời hạn hoàn thành Công Việc của Bên B và cũng không được hiểu là Các Bên thỏa thuận lại thời hạn hoàn thành Công Việc theo quy định của Hợp Đồng. Nếu thời gian sửa chữa sai sót dẫn đến việc Bên B chậm hoàn thành Công Việc theo quy định của Hợp Đồng thì Bên B sẽ bị phạt theo quy định của Hợp Đồng.
- 5.5.3 Nếu Bên B không sửa chữa được các sai sót hay tồn đọng trong khoảng thời gian quy định, Bên A (tùy theo lựa chọn) có thể tự tiến hành Công Việc hoặc thuê Bên Thứ Ba thực hiện theo cách thức hợp lý và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan. Chi phí này được Bên B thanh toán hoặc được khấu trừ vào giá trị thanh toán của Bên B theo yêu cầu của Bên A. Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa hay giải quyết tồn đọng do Bên A tự thực hiện hoặc thuê Bên Thứ Ba thực hiện nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng.
- 5.5.4 Nếu những sai sót hoặc hư hỏng do lỗi của Bên B dẫn đến việc Bên A bị mất toàn bộ lợi ích từ Công Trình hay phần lớn Công Trình không thể đưa vào sử dụng cho mục đích đã định, Bên B sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A phát sinh từ những sai sót hoặc tồn đọng trên.

Điều 6. Thời gian và Tiến độ thực hiện của Hợp Đồng

6.1. Thời gian thực hiện Hợp Đồng:

6.1.1 Tổng thời gian thực hiện Hợp Đồng (thời gian hoàn thành gói thầu) là **90 ngày** kể từ ngày nhận được tạm ứng hợp đồng. Thời gian hoàn thành này bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Bộ luật Lao động hiện hành.

6.1.2 Ngày khởi công công trình là ngày Bên A bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công cho Bên B thi công và được Hai Bên xác nhận bằng biên bản bàn giao mặt bằng.

6.1.3 Nhà thầu sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng công trình (ngay sau Ngày khởi công) và sẽ thực hiện thi công xây dựng công trình đúng thời gian thực hiện Hợp Đồng mà không được chậm trễ.

6.2. Tiến độ thực hiện Hợp Đồng:

6.2.1 Bên B có trách nhiệm lập biện pháp thi công và tiến độ thi công chi tiết đối với phạm vi công việc của mình. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày Hợp Đồng được Hai Bên ký kết, Bên B có trách nhiệm trình Bên A kiểm tra, phê duyệt.

6.2.2 Tiến độ thi công được tính liên tục, kể cả thứ bảy và chủ nhật.

6.2.3 Sau [03-05] ngày kể từ ngày nhận Bàn giao mặt bằng, Bên B phải tập kết vật liệu đến công trường hoặc tổ chức sản xuất tại xưởng của Bên B và tổ chức nhân lực tại hiện trường để thi công đảm bảo tiến độ cam kết theo Hợp Đồng.

6.3. Gia hạn thời gian hoàn thành:

6.3.1 Tiến độ thực hiện nêu trên đã bao gồm cả thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, nhưng không bao gồm thời gian dừng chờ không do lỗi của Bên B và thời gian dừng chờ do các điều kiện như liệt kê dưới đây mà các điều kiện đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới việc Bên B không thể thực hiện Công Việc:

- (i) Do Bên A yêu cầu dừng mà không do lỗi Bên B.
- (ii) Do các Cơ quan Nhà nước, Chính quyền, người dân địa phương gây cản trở, ngăn cấm.
- (iii) Do các sự kiện bất khả kháng gây ra.
- (iv) Có sự thay đổi, phát sinh hoặc bổ sung công việc ngoài phạm vi trong Hợp Đồng đã ký kết.
- (v) Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Bên A, nhân lực của Bên A hay các Nhà thầu khác gây ra như việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong Hợp Đồng và các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp Đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra.

6.3.2 Khi gặp những trường hợp trên Bên B phải thông báo cho Bên A bằng văn bản trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện để Bên A xem xét, chấp thuận và triển khai các thủ tục gia hạn thời gian hoàn thành.

- 6.3.3 Một công tác phát sinh có thể/hoặc không được gia hạn cho Bên B thời hạn thi công, tùy vào thời điểm, khối lượng và phạm vi công việc đó.
- 6.4. Kiểm soát tiến độ
- Nếu, bất cứ lúc nào:
- 6.4.1 Tiến độ thực tế quá chậm để hoàn thành Công Việc trong khoảng thời gian hoàn thành; và/hoặc:
- 6.4.2 Tiến độ đã bị hoặc sẽ bị chậm hơn so với tiến độ thực hiện Công Việc đó theo bảng tiến độ chi tiết; mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong Điều 6.3, khi đó Bên A có thể yêu cầu Bên B trình một bản tiến độ được sửa đổi và báo cáo mô tả các biện pháp được sửa đổi mà Bên B đề xuất áp dụng để thực hiện tiến độ và hoàn thành trong thời gian hoàn thành. Trừ khi Bên A có thông báo khác, Bên B sẽ áp dụng những phương pháp đã được sửa đổi này, như: có thể yêu cầu tăng số giờ làm việc và số lượng Nhân Lực của Bên B và/hoặc Vật Tư (nếu có), v.v.. Mọi rủi ro và chi phí tăng thêm cho Bên A do việc điều chỉnh này sẽ do Bên B chi trả.
- 6.4.3 Trên cơ sở biện pháp thi công/tiến độ thi công chi tiết/biểu đồ Nhân lực do Bên B lập đã được Bên A phê duyệt, theo quyết định của Bên A và thực tế Công trường, Bên A có thể bàn giao mặt bằng cho Bên B theo từng phần. Việc Bên B không tuân thủ quyết định này cũng được coi là vi phạm Hợp đồng, trừ trường hợp việc bàn giao mặt bằng của Bên A làm thay đổi biện pháp thi công/tiến độ chi tiết dẫn đến thay đổi hoặc kéo dài thời gian hoàn thành Công việc nêu tại khoản 6.1 Điều 6, hai Bên sẽ thỏa thuận và ký Hợp đồng bổ sung.
- 6.4.4 Bên A có quyền xem xét đưa các Nhà thầu khác vào thay thế và/hoặc bổ sung để thực hiện các Công việc thi công khi Bên B không đảm bảo đúng tiến độ thi công theo các giai đoạn thi công chính theo bảng tổng tiến độ đã được Bên A phê duyệt; Bên B có trách nhiệm đền bù cho Bên A các thiệt hại và/hoặc chi phí phát sinh do việc bổ sung và/hoặc thay thế Nhà thầu khác.

Điều 7. Hình thức, Giá Hợp Đồng, Tạm ứng và Thanh toán Hợp Đồng

7.1. Hình thức của Hợp Đồng:

- 7.1.1 Hợp đồng là hợp đồng theo đơn giá cố định
- 7.1.2 Đơn giá những công việc tại Phụ lục A (“Đơn Giá”) là cố định và không đổi trong suốt quá trình thực hiện Hợp Đồng. Đơn Giá sẽ không thay đổi theo bất kỳ sự trượt giá nào về Vật Tư hay Nhân công, tỷ giá. Đơn Giá đã bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan để Bên B hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng;
- 7.1.3 Nhà thầu phải tự chịu mọi rủi ro liên quan đến chi phí thực hiện các công việc tại Phụ lục A [Bảng chi tiết Giá Hợp Đồng], phạm vi công việc của Hợp Đồng và Nhà thầu được xem như đã có được tất cả các thông tin cần thiết và đã tính đến tất cả các tình huống có thể ảnh hưởng tới chi phí khi

xác định Giá Hợp Đồng.

- 7.1.4 Đơn giá Hợp Đồng được áp dụng cho các công việc phát sinh có tính chất tương tự công việc trong Hợp Đồng. Đơn giá cho những công việc phát sinh khác sẽ do Hai Bên thỏa thuận căn cứ trên cách tính của Đơn Giá và quy định của pháp luật hiện hành. Nếu trong Hợp Đồng không có mức giá nào áp dụng được cho công việc thay đổi/bổ sung thì Bên B sẽ đệ trình mức giá và biện pháp thực hiện cho các công việc thay đổi/bổ sung. Hai Bên sẽ tiến hành ký kết Phụ lục Hợp Đồng để quy định cụ thể đối với các công việc phát sinh này

7.2. Giá trị của Hợp Đồng:

- 7.2.1 Giá Hợp Đồng để thực hiện toàn bộ Công Việc theo phạm vi Hợp Đồng là:

✓ Giá trị hợp đồng trước thuế: đồng

✓ Thuế GTGT 8% : đồng

Tổng giá trị sau thuế : đồng

Bằng chữ:

(Thuế suất GTGT sẽ được áp dụng theo quy định và chính sách của Nhà nước ở từng thời điểm. Trường hợp thuế GTGT được điều chỉnh thì giá trị hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng)

Chi tiết giá hợp đồng theo Phụ lục A [Bảng chi tiết giá Hợp Đồng]

- 7.2.2 Nội dung Giá Hợp Đồng:

- (i) Giá trị Hợp Đồng là đơn giá cố định đối với toàn bộ các hạng mục công việc được Hai Bên thỏa thuận tại Hợp Đồng này.
- (ii) Giá Hợp Đồng bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các chi phí để thực hiện Công Việc quy định tại Phụ lục A [Bảng chi tiết giá Hợp Đồng] Bao gồm tất cả các khoản chi phí cần thiết liên quan như như:
- ✓ Chi phí chuẩn bị thi công;
 - ✓ Chi phí vật tư, nhân công, máy thi công, chi phí thi công;
 - ✓ Chi phí điều hành, quản lý thi công và lợi nhuận của Nhà Thầu;
 - ✓ Chi phí biện pháp, giải pháp thi công;
 - ✓ Chi phí lập hồ sơ quản lý chất lượng;
 - ✓ Chi phí lập hồ sơ thanh, quyết toán khối lượng hoàn thành;
 - ✓ Chi phí lập Bản vẽ hoàn công, hồ sơ hoàn thành gói thầu để làm cơ sở thanh, quyết toán;
 - ✓ Chi phí phối hợp với các Nhà thầu khác có liên quan (nếu có),
 - ✓ Thuế xuất nhập khẩu, các loại thuế, phí, lệ phí khác (nếu có) theo quy định của Pháp luật Việt Nam;
 - ✓ Chi phí thủ tục hải quan (đối với Vật Tư nhập khẩu), vận chuyển hàng về chân Công Trình, bốc dỡ, lắp đặt và các chi phí cần thiết khác;
 - ✓ Phí bảo lãnh và các chi phí khác liên quan đến trách nhiệm của Nhà thầu theo Hợp Đồng (nếu có);

- ✓ Chi phí nghiệm thu, chi phí bảo hành;
- ✓ Chi phí cho các khoản phí bảo hiểm cho Bên thứ ba, bảo hiểm cho toàn bộ nhân sự của Nhà thầu, bảo hiểm Máy Móc, Hàng Hoá, Thiết Bị của Nhà thầu phục vụ cho việc cung cấp và thi công Hạng Mục và/hoặc Công Trình;
- ✓ Các chi phí khác cho việc cung cấp, vận chuyển, thi công, lắp đặt theo Phạm vi công việc của Nhà thầu và theo thỏa thuận của Các Bên;
- ✓ Các loại Thuế, Phí và các loại chi phí hợp lý khác để Bên B hoàn thành Công Việc theo Hợp Đồng này đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu của Bên A.

7.3. **Tạm ứng Hợp Đồng:**

7.3.1 Sau khi ký Hợp Đồng, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B **30%** giá trị Hợp Đồng sau Thuế GTGT.

Điều kiện tạm ứng: Bên A nhận được Hồ sơ tạm ứng Hợp lệ theo quy định. Thời hạn tạm ứng là 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đủ Hồ sơ tạm ứng hợp lệ.

Hồ Sơ Tạm Ứng bao gồm:

- (i) Đề nghị tạm ứng của Bên B: 01 (một) bản gốc
- (ii) Hợp Đồng thi công đã được Hai Bên ký kết: 01 (một) bản sao.
- (iii) Bảo Lãnh Tạm Ứng Hợp Đồng theo quy định.
- (iv) Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng theo quy định.

7.3.2 Thu hồi tạm ứng:

- (i) Số tiền tạm ứng này sẽ được Bên A thu hồi hết ngay trong đợt thanh toán giai đoạn đầu tiên.
- (ii) Trong bất cứ trường hợp nào, số tiền tạm ứng sẽ được thu hồi ngay và hết trước khi Bên A thanh toán cho Bên B đến 80% (tám mươi phần trăm) giá trị Hợp Đồng.
- (iii) Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp Đồng theo Điều 14 [*Tạm ngừng và chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A*], Điều 15 [*Tạm ngừng và chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên B*] hoặc Điều 16 [*Bất khả kháng*] (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Bên B phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A.

7.4. **Thanh toán:**

7.4.1 Thanh toán giai đoạn:

- (i) Việc thanh toán được thực hiện 01 lần duy nhất khi Bên B hoàn thành toàn bộ công tác mái và xây tô được Bên A nghiệm thu.
- (ii) Bên A sẽ thanh toán đến 90% giá trị hoàn thành cho Bên B và bao gồm khấu trừ hết giá trị tạm ứng.

7.4.2 Thời hạn thanh toán:

Bên A thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B và hồ sơ thanh toán được Bên A phê duyệt.

7.4.3 Hồ sơ thanh toán:

- (i) Công văn đề nghị thanh toán;
- (ii) Hóa đơn tài chính hợp lệ tương ứng giá trị Công Việc hoàn thành và trừ đi giá trị đã xuất hóa đơn tương ứng trước đó;
- (iii) Biên bản nghiệm thu vật liệu đầu vào;
- (iv) Chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO), giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) của vật tư (Bản sao công chứng);
- (v) Kết quả thí nghiệm vật tư;
- (vi) Giá trị đối trừ các chi phí tiện ích, các khoản phạt... (nếu có) phát sinh trong kỳ.
- (vii) Bảng tổng hợp khối lượng được nghiệm thu
- (viii) Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá Hợp Đồng.
- (ix) Bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đề nghị thanh toán.
- (x) Số lượng hồ sơ: 04 (bốn) bộ gốc

7.4.4 Đồng tiền và hình thức thanh toán:

- (i) Đồng tiền thanh toán: tiền Việt Nam Đồng (VND).
- (ii) Hình thức thanh toán: bằng chuyển khoản.

7.5. Quyết toán và thanh lý Hợp Đồng:

7.5.1 Quyết toán Hợp Đồng

- (i) Sau khi Bên B hoàn thành các công việc theo nội dung Hợp đồng, Hai Bên căn cứ vào các quy định Hợp Đồng, các Phụ lục Hợp Đồng và các quy định hiện hành của Nhà nước để quyết toán và thanh lý Hợp Đồng theo quy định. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 95% (chín mươi lăm phần trăm) giá trị quyết toán Hợp Đồng được phê duyệt (đã bao gồm giá trị đã thanh toán và tạm ứng Hợp Đồng).
- (ii) Phần giá trị còn lại 5% (năm phần trăm) được giữ lại để bảo hành công trình và sẽ được thanh toán Khi bên B cung cấp Chứng thư bảo lãnh bảo hành ngân hàng hợp lệ.
- (iii) Thời gian để Bên B trình Hồ sơ quyết toán Hợp Đồng này trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Bên B kết thúc các công việc của Hợp Đồng.

- (iv) Thời gian để Bên A phê duyệt giá trị quyết toán của Bên B trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được Hồ Sơ Quyết Toán hợp lệ của Bên B.

7.5.2 Hồ sơ quyết toán bao gồm:

- (i) Công văn đề nghị quyết toán của Bên B.
- (ii) Hóa đơn tài chính hợp lệ tương ứng giá trị quyết toán và trừ đi tổng giá trị đã xuất hóa đơn trước đó;
- (iii) Hồ sơ pháp lý, hồ sơ quản lý chất lượng theo yêu cầu của Dự án cho toàn bộ Công Việc thuộc phạm vi Hợp Đồng theo quy định của Pháp Luật.
- (iv) Giá trị đối trừ các chi phí tiện ích, bảo hộ lao động, các khoản phát... (nếu có) phát sinh.
- (v) Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị quyết toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá Hợp Đồng.
- (vi) Bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đề nghị quyết toán.
- (vii) Bảng diễn giải chi tiết khối lượng hoàn thành đề nghị quyết toán.
- (viii) Biên bản nghiệm thu hoàn thành gói thầu để đưa vào sử dụng, có xác nhận của các Bên;
- (ix) Số lượng hồ sơ quyết toán: 04 (bốn) bộ gốc

7.5.3 Thanh lý Hợp Đồng:

Khi Bên B hoàn thành hết các Công Việc theo quy định tại Điều 5 của Hợp Đồng và hoàn thành trách nhiệm Bảo hành theo quy định. Hai Bên có trách nhiệm phối hợp thực hiện thanh lý Hợp Đồng.

- 7.5.4 Bên B cam kết và đồng ý rằng, nếu Bên B chậm trễ nộp Hồ sơ quyết toán, thanh lý Hợp đồng quá 15 ngày so với quy định tại Hợp đồng vì bất kỳ lý do nào, không phụ thuộc Bên B đã nhận được thông báo của Bên A về việc nộp Hồ sơ quyết toán, thanh lý Hợp đồng hay chưa, Bên A có quyền (i) thuê đơn vị có chuyên môn/kinh nghiệm lập Hồ sơ quyết toán, thanh lý Hợp đồng với chi phí do Bên B chịu; hoặc (ii) tự tính toán khối lượng và giá trị quyết toán của gói thầu trên cơ sở hồ sơ nghiệm thu thực tế, bản vẽ hoàn công và các tài liệu liên quan khác mà Bên A hiện có tại thời điểm đó; và (iii) quyết định và tiến hành các thủ tục, công việc cần thiết để tự thanh lý Hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên B sẽ được coi là chấp nhận hoàn toàn số liệu, giá trị do Bên A hoặc đơn vị do Bên A thuê lập ra.

Điều 8. Phát sinh và Điều chỉnh giá Hợp Đồng

8.1. Điều chỉnh khối lượng Công Việc trong Hợp Đồng.

- 8.1.1 Bổ sung những khối lượng công việc hợp lý chưa có đơn giá trong Hợp Đồng thì Bên A và Bên B tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung Hợp Đồng; các khối lượng công việc đã có đơn giá trong Hợp Đồng được

xác định theo khối lượng hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng trong Hợp Đồng đã ký) được nghiệm thu.

- 8.1.2 Đối với những công việc phát sinh nằm ngoài phạm vi Hợp Đồng đã ký mà chưa có đơn giá trong Hợp Đồng, Các Bên phải thống nhất đơn giá để thực hiện khối lượng công việc này trước khi thực hiện. Khi đó Các Bên thống nhất bổ sung các công việc ngoài phạm vi quy định trong Hợp Đồng này và thống nhất xác định giá trị cho những công việc đó.

8.2. Điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp Đồng

- 8.2.1 Trường hợp thay đổi tiến độ thực hiện Hợp Đồng do lỗi của Bên giao thầu thì Bên giao thầu phải gia hạn Hợp Đồng và chịu các chi phí do kéo dài thời gian thực hiện Hợp Đồng (nếu có). Trường hợp thay đổi tiến độ thực hiện Hợp Đồng do lỗi của Bên nhận thầu thì Bên nhận thầu phải chịu các chi phí do lỗi của mình gây ra theo thỏa thuận trong Hợp Đồng (nếu có).

- 8.2.2 Quá trình thi công gặp bất khả kháng làm thay đổi tiến độ thực hiện Hợp Đồng thì Các Bên cùng xác định thời gian và tiến độ thực hiện do bất khả kháng làm cơ sở để điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp Đồng. Các trường hợp bất khả kháng:

- (i) Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.
- (ii) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu Bên A làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp Đồng.
- (iii) Do việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong Hợp Đồng, tạm dừng Hợp Đồng do lỗi của Bên giao thầu, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp Đồng xây dựng mà không do lỗi của Bên nhận thầu gây ra.
- (iv) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Bên giao thầu gây ra.

- 8.2.3 Bên nhận thầu được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết (theo tuần, tháng, ...) nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của Hợp Đồng. Bên nhận thầu phải thông báo cho Bên giao thầu trước ít nhất 03 ngày về việc điều chỉnh tiến độ chi tiết và phải được Bên giao thầu chấp thuận bằng văn bản trước khi áp dụng tiến độ điều chỉnh;

8.3. Điều chỉnh Giá Hợp Đồng

- 8.3.1 Đối với những khối lượng phát sinh nằm ngoài phạm vi Hợp Đồng đã ký mà chưa có đơn giá trong Hợp Đồng, Các Bên phải thống nhất đơn giá để thực hiện khối lượng công việc này trước khi thực hiện. Khi đó Các Bên thống nhất bổ sung các công việc ngoài phạm vi quy định trong Hợp Đồng này và thống nhất xác định đơn giá và giá trị cho những công việc đó. Khi đó, Hai Bên sẽ cùng đàm phán, thỏa thuận với nhau về việc ký Phụ lục bổ sung Hợp Đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện Hợp Đồng, Bảo Lãnh Tạm Ứng, Bảo Lãnh Bảo Hành

9.1. Bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng:

9.1.1. Bên B phải nộp cho Bên A một bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang để đảm bảo thực hiện Hợp Đồng ("**Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng**") bằng 5% Giá trị Hợp Đồng sau thuế tương đương với số tiền: VNĐ (Bằng chữ:) cho Bên A trong vòng 07 ngày sau khi Hợp Đồng đã được ký kết. Bảo đảm thực hiện Hợp Đồng theo mẫu kèm hợp đồng này và phải được Bên A chấp thuận trước khi phát hành.

9.1.2. Bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng do một Ngân Hàng thương mại có uy tín và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có nội dung được Bên A chấp thuận. Bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm Hợp Đồng được ký kết và có thời hạn trong vòng 100 ngày kể từ ngày Hợp Đồng có hiệu lực và Bên B có trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để duy trì hiệu lực liên tục của Chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho tới khi Bên B đã thi công, hoàn thành toàn bộ công việc của Hợp Đồng này, được Bên A nghiệm thu và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình.

Trước thời điểm 5 (năm) ngày trước ngày hết hạn của Bảo đảm thực hiện Hợp Đồng mà Bên B vẫn chưa hoàn thành các công việc của Hợp Đồng, Bên A có quyền yêu cầu Bên B và/hoặc Ngân hàng phát hành gia hạn bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

9.1.3. Bên B sẽ không được nhận lại bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng trong trường hợp từ chối thực hiện Hợp Đồng đã có hiệu lực. Bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng có giá trị đến thời điểm Bên B phát hành bảo lãnh Bảo hành. Bên A phải hoàn trả cho Bên B bảo đảm thực hiện Hợp Đồng khi Bên B đã hoàn thành các công việc theo Hợp Đồng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành

9.2. Bảo lãnh tạm ứng:

9.2.1 Bên B phải nộp cho Bên A một bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang để Bên A tạm ứng theo Hợp Đồng ("**Bảo Lãnh tạm ứng Hợp Đồng**") bằng 30% Giá trị Hợp Đồng sau thuế tương đương với số tiền VNĐ (Bằng chữ:) cho Bên A trong vòng 07 ngày sau khi Hợp Đồng đã được ký kết. Bảo lãnh tạm ứng Hợp Đồng theo mẫu kèm hợp đồng này và phải được Bên A chấp thuận trước khi phát hành.

9.2.2 Bảo lãnh tạm ứng do một Ngân Hàng thương mại có uy tín và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có nội dung được Bên A chấp thuận. Bảo lãnh tạm ứng phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm Hợp Đồng được ký kết và có thời hạn trong vòng 90 ngày kể từ ngày Bên B nhận được tiền tạm ứng và Bên B có trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để duy trì hiệu lực liên tục của Chứng thư bảo lãnh tạm ứng cho tới khi Bên A đã thu hồi hết tạm ứng.

9.3. Bảo lãnh bảo hành: 5%

Điều 10. Bảo Hiểm và Bảo Hành



10.1. Bảo hiểm:

10.1.1 Bên nhận thầu có trách nhiệm thực hiện mua các loại bảo hiểm cần thiết (bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường, bảo hiểm thiết bị của Bên B, bảo hiểm đối với Bên thứ ba, ...) để bảo đảm cho hoạt động của mình theo quy định của pháp luật.

10.1.2 Chi phí mua bảo hiểm sẽ do Bên B tự chi trả.

10.2. Bảo hành

10.2.1 Bên B có trách nhiệm bảo hành công trình sau khi bàn giao cho Bên A, giá trị và phương thức bảo lãnh bảo hành được quy định tại **Điều 9.3 [Bảo lãnh bảo hành]** của Hợp Đồng này.

10.2.2 Bên B có trách nhiệm bảo hành Công Trình (bao gồm bảo hành Vật Tư và bảo hành Công Việc) trong thời hạn **12 tháng** kể từ ngày Hai Bên ký vào Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Trình với các công việc do Bên B thực hiện. Đối với những Vật Tư có thời hạn bảo hành dài hơn thời gian bảo hành hợp đồng theo quy định của Nhà sản xuất, thì thời hạn bảo hành của Vật Tư đó sẽ được áp dụng theo thời hạn bảo hành do nhà sản xuất quy định.

10.2.3 Trong thời gian bảo hành, Bên B phải tiến hành khắc phục, sửa chữa sai sót trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B. Quá thời hạn trên mà Bên B không cử người sửa chữa kịp thời hoặc Bên B đã cố gắng mà không thể khắc phục được những sai sót đó, Bên A sẽ thuê Bên Thứ Ba để thực hiện công việc sửa chữa. Chi phí để sửa chữa những sai sót này sẽ được trừ trực tiếp vào tiền bảo hành Công Trình/Bảo Lãnh Bảo Hành của Bên B và/hoặc được thanh toán từ Bên B. Trong trường hợp tiền bảo hành/Bảo Lãnh Bảo Hành không đủ để chi trả chi phí này, Bên B có nghĩa vụ chi trả thêm phần còn thiếu trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thanh toán từ của Bên A.

10.2.4 Bên B có nghĩa vụ thực hiện bảo hành Công trình trong mọi trường hợp, kể cả khi Bên A đã chuyển giao/bán Công trình cho Các Bên Thứ Ba khác ("**Bên Nhận Chuyển Giao**") với điều kiện Bên Nhận Chuyển Giao sử dụng Công trình theo đúng các điều kiện của Hợp Đồng.

Điều 11. Quyền và Nghĩa vụ của Bên A

11.1. Quyền của Bên A:

11.1.1 Kiểm tra, phê duyệt Biện pháp thi công chi tiết do Bên B lập.

11.1.2 Kiểm tra biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường; Đảm bảo và chấp thuận cho Bên B thi công công trình.

11.1.3 Từ chối thanh toán các sản phẩm không đạt yêu cầu theo Hợp Đồng, không được Bên A nghiệm thu; Không thanh toán giá trị khối lượng không đảm bảo chất lượng hoặc khối lượng phát sinh không do Bên A yêu cầu.

11.1.4 Mời các Nhà thầu khác tham gia thi công các phần việc không đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của Hợp Đồng chính. Chi phí sẽ do Bên A quyết định và

thông báo cho Bên B. Bên B không có quyền khiếu nại hay ý kiến về các chi phí này.

11.1.5 Tạm ngừng việc thực hiện Hợp Đồng và yêu cầu khắc phục hậu quả khi phát hiện Bên B thực hiện công việc vi phạm các nội dung đã ký kết trong Hợp Đồng hoặc các quy định của Nhà nước

11.1.6 Tạm dừng hoặc hủy bỏ, chấm dứt Hợp Đồng theo quy định của Hợp Đồng này hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền. Dừng thi công xây dựng công trình và yêu cầu Bên B khắc phục hậu quả khi Bên B vi phạm các quy định về chất lượng, an toàn và vệ sinh môi trường

11.1.7 Không thanh toán giá trị khối lượng không đảm bảo chất lượng hoặc khối lượng phát sinh không do Bên A yêu cầu.

11.1.8 Các Quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

11.2. Nghĩa vụ của Bên A:

11.2.1 Cung cấp cho Bên B các hồ sơ, tài liệu liên quan: Hồ sơ thiết kế thi công bản vẽ được phê duyệt;

11.2.2 Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng thi công đủ điều kiện thi công cho Bên B quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của Hợp Đồng

11.2.3 Cử và thông báo bằng văn bản cho Bên B về nhân lực chính tham gia quản lý và thực hiện Hợp Đồng.

11.2.4 Cử cán bộ kỹ thuật chuyên môn phối hợp giám sát và nghiệm thu các Công Việc trong quá trình thi công đến khi Bên B hoàn thành toàn bộ Công Việc theo Hợp Đồng, ký xác nhận Biên bản nghiệm thu, Biên bản xác nhận hoàn thành công việc theo giai đoạn phục vụ thanh toán, khối lượng thi công, thanh quyết toán hạng mục công trình.

11.2.5 Thanh toán cho Bên B theo đúng quy định trong Hợp Đồng.

11.2.6 Xem xét, thông báo và phê duyệt các Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công có sự sửa đổi, bổ sung trước khi Bên B thực hiện khối lượng công việc đó (nếu có). Trường hợp sau khi Bên B đã thi công theo thiết kế được duyệt mới nhận được thông báo thay đổi thì Bên A phải thanh toán cho Bên B phần khối lượng công việc đã thực hiện đến thời điểm nhận được thông báo thay đổi.

11.2.7 Cung cấp cho Bên B điểm đầu nối nguồn cấp điện, cấp nước... phục vụ công tác thi công của Bên B. Các chi phí điện, nước do Bên B chi trả;

11.2.8 Cung cấp cho Bên B các vật tư hoặc thiết bị theo thỏa thuận của Hai Bên (nếu có)

11.2.9 Cùng với Bên B thống nhất và cung cấp mẫu biểu và số lượng bộ Hồ sơ quản lý chất lượng và Hồ sơ quyết toán hạng mục công trình xây dựng khi Bên B thi công công trình trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

- 11.2.10 Bên A chịu trách nhiệm về tính pháp lý, chất lượng, an toàn, môi trường... đối với các công việc do Bên A thực hiện hay Các Bên liên quan đến Bên A thực hiện.
- 11.2.11 Phối hợp với các Cơ quan kịp thời giải quyết các phát sinh (nếu có) trong quá trình thi công.
- 11.2.12 Chịu trách nhiệm và giải quyết các vướng mắc đối với các công trình lân cận của Bên thứ ba khác (nếu có).
- 11.2.13 Phối hợp với Bên B làm hồ sơ thanh quyết toán của Hợp Đồng.
- 11.2.14 Cử cán bộ giám sát chất lượng và tiến độ thực hiện công việc, phối hợp với Bên B để giải quyết những phát sinh và tranh chấp với Bên thứ ba trong quá trình thực hiện Hợp Đồng
- 11.2.15 Phổ biến nội qui công trường cho Bên B.
- 11.2.16 Tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình.
- 11.2.17 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Quyền và Nghĩa vụ của Bên B

12.1. Quyền của Bên B:

- 12.1.1 Được quyền đề xuất với Bên A về khối lượng phát sinh ngoài Hợp Đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi Hợp Đồng khi chưa được Hai Bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Bên giao thầu;
- 12.1.2 Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Bên giao thầu chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá Hợp Đồng đã ký kết;
- 12.1.3 Tiếp cận công trường: Bên A phải bàn giao cho Bên B mặt bằng thi công công trình để Bên B được quản lý, sử dụng để thực hiện Hợp Đồng.

12.2. Nghĩa vụ của Bên B:

- 12.2.1 Quản lý mặt bằng thi công được bàn giao, lập kế hoạch, biện pháp tổ chức thi công và tiến độ thi công chi tiết trình Bên A phê duyệt.
- 12.2.2 Cung cấp nhân lực, vật liệu, máy móc, thiết bị thi công và các điều kiện vật liên quan khác đủ số lượng, chất lượng và chủng loại theo Hợp Đồng để thực hiện các Công Việc theo nội dung Hợp Đồng đã ký kết.
- 12.2.3 Tổ chức thực hiện thi công Công trình theo đúng Hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công được Bên A phê duyệt, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ theo quy định của Hợp Đồng.
- 12.2.4 Lập biện pháp tổ chức thi công chi tiết (thuyết minh và bản vẽ), ghi nhật ký thi công xây dựng công trình (liên tục, đầy đủ và chính xác), lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán Hợp Đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của Hợp Đồng và tổ chức bàn giao cho Bên A quản lý sử dụng.
- 12.2.5 Cung cấp cho Bên A các tài liệu nghiệm thu theo đúng yêu cầu chất lượng, thiết kế của hạng mục công trình đã được Bên A phê duyệt.

- 12.2.6 Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý, chất lượng, an toàn, môi trường... đối với các công việc do Bên B thực hiện hay Các Bên liên quan đến công việc thực hiện của Bên B.
- 12.2.7 Tự bố trí nơi ăn ở cho cán bộ, công nhân của mình. Cán bộ công nhân tham gia thi công tại công trình phải đảm bảo giữ trật tự an ninh trên công trường và khu dân cư lân cận. Tuân thủ nội quy an ninh, an toàn vệ sinh công trường.
- 12.2.8 Phối hợp thực hiện công việc với các Nhà thầu khác trên công trường để đảm bảo tiến độ thi công.
- 12.2.9 Tuyệt đối đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, giữ gìn an ninh trật tự và vệ sinh công trường. Chịu trách nhiệm an toàn cho người lao động và thiết bị của Bên B trong quá trình thi công và đảm bảo trị an trong khu vực công trường thi công. Tự mua bảo hiểm cho người lao động và thiết bị của mình.
- 12.2.10 Chịu trách nhiệm phổ biến cho công nhân của mình các qui định về ATLD và phòng chống cháy nổ khi thi công tại công trường, chịu trách nhiệm an toàn về con người, tài sản và an toàn lao động khi thi công tại công trường. **Đảm bảo tuyệt đối an toàn về người và thiết bị trong quá trình thi công.** Chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật và phí tổn nếu để xảy ra tai nạn. Toàn bộ công nhân thi công trên Công trường phải mặc đồng phục Bảo hộ lao động theo quy định và ra vào dưới sự kiểm soát của Bên A hoặc **phương thức do Bên A chỉ định.** Bên B phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với bất cứ sự cố nào đối với con người và thiết bị, máy móc trên Công trường và xung quanh Công trường.
- 12.2.11 Phải có cán bộ phụ trách an toàn khi làm việc trên công trường, số lượng cán bộ an toàn tuân thủ theo yêu cầu của Bên A.
- 12.2.12 Bên B phải thường xuyên vệ sinh trong phạm vi mặt bằng công trường do mình quản lý để đảm bảo vệ sinh chung của dự án. Phế thải phát sinh do Bên B thi công phải được thu gom và vận chuyển đến nơi quy định trong công trường.
- 12.2.13 Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường.
- 12.2.14 Đảm bảo cung cấp máy móc, thiết bị đạt yêu cầu kỹ thuật và các tài liệu kiểm định kỹ thuật chất lượng kèm theo.
- 12.2.15 Phát hành hoá đơn tài chính cho Bên A (theo quy định hiện hành của Nhà nước) đảm bảo cho quá trình thanh toán, đối trừ nghĩa vụ tài chính giữa Hai Bên.
- 12.2.16 Lập kế hoạch và báo cáo Bên A về tiến độ, khối lượng công việc theo ngày, tuần, tháng (hoặc giai đoạn Công Việc).
Lập và trình cho Bên A báo cáo thi công hàng ngày, kế hoạch thi công hàng ngày cho ngày tiếp theo, báo cáo thi công và kế hoạch thi công hàng

tuần, hàng tháng; và báo cáo tổng thể hoặc báo cáo bất thường (theo yêu cầu của Bên A) trong đó nêu chính xác, đầy đủ, chi tiết các nội dung đã thực hiện, khối lượng Công việc đã hoàn thành, đối chiếu với tiến độ tổng thể, giải trình lý do vướng mắc, đề xuất xử lý vướng mắc... Báo cáo phải thể hiện được các Công việc đã thực hiện và kế hoạch tiếp theo.

12.2.17Đệ trình mẫu/Catalogue vật tư, thiết bị để Bên A xem xét chấp thuận trước khi tiến hành thi công.

Tất cả các vật tư vật liệu ra, vào Công trường phải thông báo với Bên A và phải được Bên A chấp thuận bằng văn bản trước khi đem vào sử dụng hoặc khi di chuyển ra khỏi Công trường.

12.2.18Chịu trách nhiệm Bảo hành công trình từ khi nhận được thông tin từ Bên A. Sửa chữa kịp thời và chịu mọi chi phí (nếu có) trong thời gian Bảo hành công trình.

12.2.19Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp Đồng này và các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành;

12.2.20Bất kỳ tổn thất hay thiệt hại phát sinh mà Bên A phải gánh chịu do Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định nêu tại Hợp đồng và các Phụ lục ban hành kèm theo Hợp đồng này, Bên B sẽ phải chịu phạt vi phạm theo quy định tại của Hợp đồng này và bồi thường thiệt hại, và Bên A có quyền khấu trừ vào giá trị thanh, quyết toán phải trả gần nhất cho Bên B mà không cần có sự đồng ý của Bên B.

12.3. Nhân Lực của Bên B

12.3.1. Nhân Lực của Bên B phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp với công việc do họ thực hiện.

12.3.2. Bên A có thể yêu cầu Bên B thay thế, điều chuyển bất cứ Nhân Lực nào của Bên B ở Công Trường, kể cả Đại Diện Bên B nếu những người đó: có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn; không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng; gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường tại Công Trường.

Bên B không được tự ý thay đổi nhân sự thực hiện công việc như đã trình cho Bên A khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A. Trường hợp việc thay đổi nhân sự này là nằm ngoài khả năng kiểm soát của Bên B thì Bên B phải báo cáo và đề xuất phương án thay thế phù hợp để Bên A xem xét.

12.4. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Bên nhận thầu

12.4.1 Bên nhận thầu phải trình cho Bên giao thầu những chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Bên nhận thầu trên công trường.

12.4.2 Danh sách và số lượng cán bộ chỉ huy Công trường, cán bộ giám sát kỹ thuật, chất lượng, ...) và công nhân thi công trên Công trường phải được đăng ký với Bên A, phải có đủ trình độ năng lực chuyên môn, kinh nghiệm theo quy định, phải được phổ biến đầy đủ nội dung các Quy định, Nội quy

của Bên A khi làm việc, thi công tại Công trường và phải được trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động theo quy định của Pháp luật.

12.4.3 Máy móc, thiết bị phục vụ thi công phải đảm bảo các yêu cầu về kiểm định an toàn và phải được đăng ký với Bên A trước khi đưa vào Công trường thi công.

12.5. Hợp tác:

12.5.1 Bên B phải có trách nhiệm hợp tác trong Công Việc đối với: Nhân Lực của Bên A; các Nhà thầu khác do Bên A thuê hoặc Bên Thứ Ba do Bên A yêu cầu.

12.5.2 Hợp tác với các Nhà thầu khác thi công trên công trường. Phối hợp chặt chẽ với các Đơn vị khác tham gia thi công trên Công trường để thi công các phần việc liên quan và chuyển tiếp giữa các đơn vị nhằm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và tiến độ chung của Công trình theo sự điều hành của Bên A;

12.5.3 Việc hợp tác này có thể bao gồm việc sử dụng Thiết Bị Thi Công, các công trình tạm của Bên B. Trường hợp việc hợp tác này làm phát sinh chi phí ngoài Giá Trị Hợp Đồng thì Các Bên xem xét thỏa thuận bổ sung chi phí này.

12.6. Định vị các mốc

12.6.1 Bên B phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong Hợp Đồng và Bên A bàn giao cung cấp. Bên B sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình, và bảo quản mốc định vị và mốc giới Công trình.

12.6.2 Bên A sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó (các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn), nhưng Bên B phải cố gắng để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

12.7. Thiết bị Bên B

12.7.1 Bên B phải huy động các thiết bị chính để thi công với số lượng, năng lực, đặc tính kỹ thuật như quy định. Các thiết bị này phải được đệ trình đầy đủ hồ sơ và được đại diện Bên A kiểm tra và chấp thuận trước khi đưa vào sử dụng.

12.7.2 Bên B phải tự chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và bảo quản đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Bên B phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Bên B không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Bên A. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Bên A đối với các xe cộ vận chuyển vật tư thiết bị hoặc nhân lực của Bên B ra khỏi công trường. Bên B có trách nhiệm bố trí nhân sự trông coi, bảo quản trang thiết bị, vật tư. Nếu xảy ra tình trạng mất mát, hư hỏng thiết bị máy móc,

Bên B phải nhanh chóng thay thế, bù đắp để đảm bảo công việc thực hiện theo đúng tiến độ.

12.8. Hoạt động của Bên B tại Công Trường

12.8.1 Bên B phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Bên B có và được Bên A đồng ý là nơi làm việc. Bên B phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Bên B và nhân lực của Bên B chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Bên B phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Bên B phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

12.8.2 Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Bên B phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Bên B, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác rưởi và công trình tạm. Bên B phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà Bên B có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Bên B hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp Đồng.

12.8.3 Nếu tất cả những vật tư thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong vòng 07 ngày sau khi Bên A cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Bên A có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư thiết bị sẽ trả cho Bên B sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Bên A.

12.8.4 Bên B tuân thủ mọi quy định, nội quy của Bên A tại Công Trường. Bên A sẽ áp dụng mức phạt đối với bất kỳ sai phạm nào của Bên B.

12.8.5 Việc thi công của Bên B phải được thực hiện trong phạm vi Công Trình, không làm ảnh hưởng đến mỹ quan và vệ sinh môi trường xung quanh. Bên B phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự an toàn của các Công Trình xung quanh trong quá trình thi công.

12.8.6 Bên B phải đảm bảo cho Bên A không chịu trách nhiệm bởi các đòi hỏi, trách nhiệm pháp lý, chi phí, và mất mát phát sinh do bất kỳ hư hỏng, thiếu sót hoặc bất cẩn nào của Bên B liên quan đến việc thực hiện các Công Việc theo quy định của Hợp Đồng.

12.9. Các vấn đề khác có liên quan:

12.9.1 Trong trường hợp tìm thấy các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo sát trên Công Trường, Hai Bên sẽ cùng phối hợp với nhau xử lý theo đúng các quy định pháp luật.

12.9.2 Trong một vài trường hợp theo yêu cầu của Bên A, Bên B có thể để lại Công Trường những Thiết Bị Thi Công cần thiết để Bên B hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp Đồng.

12.9.3 Khi thi công Bên B có trách nhiệm bảo vệ và giữ gìn sản phẩm của Bên A cũng như các Nhà thầu khác của Bên A. Nếu xảy ra hư hỏng do lỗi của Bên

B thì Bên B phải bồi thường thiệt hại.

12.9.4 Bên B phải cử đại diện có đủ thẩm quyền tại Công trường để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng, thực thi trách nhiệm của mình theo quy định trong Hợp Đồng bao gồm giám sát công việc, kiểm tra chất lượng, ký các biên bản nghiệm thu ... và tham gia giao ban chỉ đạo thi công định kỳ do Bên A tổ chức để bàn bạc thống nhất các vấn đề cụ thể trong quá trình thi công.

12.9.5 Chịu trách nhiệm và bằng chi phí của mình để chuẩn bị, cung cấp đầy đủ, đồng bộ, thống nhất về số lượng và chất lượng các trang thiết bị, vật tư, vật liệu, nhân lực, máy móc, các thủ tục như giấy phép lưu hành cho các loại thiết bị, xe, máy phục vụ thi công trong và ngoài Công trường và các vấn đề liên quan khác....

12.9.6 Cung cấp cho Bên A đầy đủ hoá đơn VAT tương ứng với giá trị Bên B thực hiện.

Điều 13. An toàn lao động, Bảo vệ môi trường; Phòng chống cháy nổ; Điện, Nước và Các tiện ích khác, An ninh công trường

13.1. An toàn lao động

13.1.1 Bên B phải lập các biện pháp an toàn cho thiết bị, tài sản, con người của Bên B, của của Bên A và của Bên Thứ Ba. Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên Công Trường để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên Công Trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn.

13.1.2 Bên B có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho Nhân Lực của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì Nhân Lực của Bên B phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động. Chi phí do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.

13.1.3 Bên B có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho Nhân Lực của mình. Đảm bảo 100% cán bộ, công nhân tham gia thi công việc trên Công trường được trang bị đồng phục Bảo hộ lao động (BHLĐ) phù hợp với điều kiện thi công (ngày/đêm).

13.1.4 Khi có sự cố về an toàn lao động, Bên B và Các Bên liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo Cơ Quan Quản Lý Nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời Bên B phải chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại cho Bên Bị ảnh hưởng do Bên B không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

Bên B chịu trách nhiệm giải trình và/hoặc phối hợp với Bên A báo cáo, giải trình các vấn đề về an toàn lao động với cơ quan quản lý và các đơn vị khác khi được yêu cầu.

13.2. Bảo vệ môi trường

13.2.1 Bên B phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên Công Trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện

pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

13.2.2 Trường hợp Bên B không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Bên A, Cơ Quan Quản Lý Nhà nước về môi trường có quyền tạm dừng Công Việc và yêu cầu Bên B khắc phục. Trong trường hợp đó Bên B phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

13.2.3 Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

13.2.4 Bên B đề xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra

13.2.5 Nghiêm cấm cán bộ, công nhân Nhà thầu trên Công trường xả rác bừa bãi, đi vệ sinh không đúng nơi quy định.

13.2.6 Bên B chịu trách nhiệm giải trình và/hoặc phối hợp Bên A báo cáo, giải trình các vấn đề về an toàn lao động với cơ quan quản lý và các đơn vị khác khi được yêu cầu.

13.3. Phòng chống cháy nổ:

Các Bên tham gia trong Hợp Đồng này phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về phòng chống cháy nổ.

Bên B phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ và chịu mọi thiệt hại, bồi thường mọi tổn thất, rủi ro xảy ra cho Bên A nếu không may có sự cố cháy nổ xảy ra. Chịu trách nhiệm trước Pháp luật về hành vi vi phạm trong công tác phòng chống cháy nổ và bồi thường thiệt hại cho Bên thứ ba.

13.4. Điện, nước trên Công Trường

13.4.1. Bên B trong quá trình thi công có trách nhiệm tuân thủ mọi quy định về việc sử dụng điện, nước và các tiện ích khác trên Công Trường;

13.4.2. Chi phí sử dụng điện, nước trong quá trình thi công sẽ do Bên A chịu.

13.5. An ninh Công Trường

Bên B phải chịu mọi trách nhiệm về vấn đề an ninh trật tự trên Công Trường trong quá trình thực hiện Công Việc theo quy định trong Hợp Đồng. Bên B phải tuân thủ những hướng dẫn, chỉ dẫn của Bên A về vấn đề này.

13.6. Điều kiện vệ sinh môi trường:

13.6.1 Bên B phải giữ khu vực thi công và khu vực xung quanh sạch sẽ, không có rác hoặc phế liệu trong khi thi công các công việc thuộc phạm vi của Bên B. Phế liệu hoặc rác thải phải dọn sạch sẽ hằng ngày, các vật tư trang Thiết bị thi công phải được sắp xếp gọn gàng sau khi thi công.

13.6.2 Phế liệu, rác thải phải đóng thành bao và vận chuyển phế thải ra khỏi công trường, chi phí vận chuyển sẽ do Bên B chịu. Nếu Bên B không tuân thủ chỉ dẫn, và bị nhắc nhở nhiều lần thì Bên A sẽ phạt theo đúng quy định của Hợp Đồng, hoặc Bên A sẽ thực hiện toàn bộ công việc đó và sẽ trừ chi phí phát

sinh gấp 05 lần so với giá trị thực hiện để đối chiếu trong các đợt hồ sơ thanh toán tiếp theo.

Điều 14. Tạm dừng và chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A

14.1. Tạm dừng thực hiện Công Việc bởi Bên A

14.1.1 Bên A quyết định dừng thực hiện Công Việc khi Bên B không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động và tiến độ thực hiện Công Việc theo Hợp Đồng để Bên B tìm phương án giải quyết nhằm thực hiện đúng các yêu cầu và nghĩa vụ theo Hợp Đồng.

14.1.2 Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B ít nhất 02 (hai) ngày trước khi tạm dừng và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm dừng và các yêu cầu khác (nếu có).

14.2. Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A

14.2.1 Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp Đồng khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- (i) Bên B không có lý do chính đáng mà 07 (bảy) ngày liên tục không thực hiện Công Việc theo Hợp Đồng sau khi Bên A đã ra thông báo yêu cầu thực hiện Công Việc đó;
- (ii) Bên B chậm tiến độ hoàn thành Công Việc quá 05 (năm) ngày so với thời hạn đã cam kết tại Hợp Đồng mà không được Bên A chấp thuận gia hạn;
- (iii) Sau khi nhận được thông báo tạm dừng Công Việc từ Bên A mà Bên B không hoàn thành việc khắc phục vi phạm trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận thông báo của Bên A;
- (iv) Bên B giao Nhà thầu Phụ thực hiện Công Việc hoặc chuyển nhượng Hợp Đồng mà không có sự chấp thuận của Bên A;
- (v) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;
- (vi) Trường hợp Bên B vi phạm tiến độ hợp đồng bị nhắc nhở đến lần thứ 2 nhưng không có biện pháp tích cực để đảm bảo tiến độ thì hai bên đàm phán chấm dứt hợp đồng hoặc cắt bỏ phần vi phạm hợp đồng trên nguyên tắc không thiệt hại cho Bên A.
- (vii) Các trường hợp khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định pháp luật.

14.2.2 Nếu xảy ra một trong những trường hợp quy định tại Điều 14.2.1 ở trên, Bên A có thể, bằng cách thông báo trước cho Bên B ít nhất 03 (ba) ngày để chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng sẽ đương nhiên chấm dứt khi hết thời hạn theo thông báo nêu trên. Tuy nhiên, trong trường hợp của phần (iv), (v), (vi) Điều

14.2.1 Hợp Đồng, Bên A có thể thông báo cho Bên B để chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức.

14.2.3 Hậu quả của việc chấm dứt Hợp Đồng:

- (i) Bên B phải dừng tất cả các công việc thêm và rời Công Trường hoặc Bên A có quyền trục xuất Bên B/Nhân Lực của Bên B ra khỏi Công Trường nếu cần thiết. Bên B sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý của Bên A để bảo vệ tính mạng, tài sản và sự an toàn cho Công Trình;
- (ii) Bên B phải bàn giao cho Bên A các Vật Tư đã được Bên A thanh toán, hoàn trả cho Bên A những tài liệu, phương tiện được Bên A giao để thực hiện Công Việc;
- (iii) Bên B phải di dời tất cả vật tư, vật liệu khỏi Công Trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi Công Trường;
- (iv) Bên A có quyền tự mình hoàn thành Công Việc hoặc cho các đơn vị khác vào thực hiện. Bên A và các đơn vị này có thể sử dụng bất cứ vật tư, vật liệu, tài liệu nào của Bên B;
- (v) Bên A sẽ xác định phần Công Việc mà Bên B đã hoàn thành để thanh toán cho Bên B sau khi trừ đi các khoản nợ, phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Bên A phải gánh chịu. các khoản bồi thường thiệt hại. phạt vi phạm Hợp Đồng và các chi phí thêm khác cho việc hoàn thành Công Trình
- (vi) Bên A có thể không thanh toán thêm cho Bên B cho đến khi Bên B hoàn thành, sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành Công Việc (nếu có).

14.2.4 Các Bên thống nhất rằng, việc đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên A theo Hợp Đồng.

14.3. Xác định giá vào ngày chấm dứt Hợp Đồng:

14.3.1 Ngay khi thông báo chấm dứt theo khoản 14.2 của Hợp Đồng [*Chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A*] có hiệu lực, Bên A sẽ xác định giá trị của công trình, vật tư, vật liệu và tài liệu của Bên B và các khoản tiền phải thanh toán cho Bên B cho các công việc được thực hiện theo đúng Hợp Đồng.

14.3.2 Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp Đồng: sau khi thông báo chấm dứt Hợp Đồng theo khoản 14.2 của Hợp Đồng này [*Chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A*] có hiệu lực, Bên A có thể:

- (i) Không thanh toán thêm cho Bên B cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Bên A chấp thuận đã được xác định;
- (ii) Thu lại từ Bên B các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Bên A phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành công trình, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Bên B. Sau khi đã thu hồi

lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Bên A sẽ thanh toán phần tiền cân đối còn lại cho Bên B.

Điều 15. Tạm dừng và chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên B

15.1. Quyền tạm dừng Công Việc của Bên B

15.1.1 Bên B được phép tạm dừng Công Việc của mình theo những trường hợp được quy định tại Điều 16.1 Hợp Đồng [*Sự Kiện Bất Khả Kháng*] hoặc Bên A không thực hiện các nghĩa vụ thanh toán theo Hợp Đồng quá 30 (*ba mươi*) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn phải thanh toán với điều kiện Bên B đã cung cấp đủ hồ sơ thanh toán phù hợp với quy định tại Hợp Đồng này.

15.1.2 Bên B sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên A ít nhất 05 (*năm*) Ngày Làm Việc trước khi tạm dừng (hoặc giảm tỷ lệ công việc) và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm dừng và các yêu cầu khác (nếu có).

15.1.3 Việc tạm ngừng công việc của Bên B theo khoản này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên B đối với các chi phí tài chính và để chấm dứt Hợp Đồng theo Khoản 14.2 của Hợp Đồng [*Chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A*].

15.1.4 Nếu Bên B tiếp đó nhận được thanh toán trước khi thông báo chấm dứt Hợp Đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi nhận được thanh toán đầy đủ của Bên A.

15.1.5 Nếu Bên B phải chịu sự chậm trễ và các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A.

15.2. Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên B

15.2.1 Bên B được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng nếu:

- (i) Việc tạm dừng Công Việc bị kéo dài quá 60 (*sáu mươi*) Ngày do lỗi của Bên A;
- (v) Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán Hợp Đồng Bên B không nhận được số tiền được thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ mà không có lý do chính đáng;
- (vi) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được uỷ thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

15.2.2 Trong bất cứ trường hợp nào được quy định tại Điều 15.2.1 ở trên, Bên B có thể, bằng cách thông báo trước cho Bên A ít nhất 07 (*bảy*) ngày để chấm dứt Hợp Đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của điểm(iii) 15.2.1 khoản 15.2, Điều 15 của Hợp Đồng Bên B có thể thông báo cho Bên A để chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức.

15.2.3 Hậu quả của việc chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điều 14.2.3 của Hợp Đồng.

15.2.4 Ngừng công việc và di dời thiết bị Bên B: Sau khi nhận được thông báo chấm dứt Hợp Đồng, Bên B sẽ ngay lập tức:

- (ii) Ngừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Bên A hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình;
- (vii) Chuyển giao cho Bên A toàn bộ tài liệu của Bên B, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Bên B đã được thanh toán;
- (viii) Di dời tất cả vật tư, vật liệu khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi công trường.

Điều 16. Bất Khả Kháng

- 16.1. Sự Kiện Bất Khả Kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan, không lường trước được, không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp và khả năng cho phép và nằm ngoài sự kiểm soát hợp lý của Các Bên, bao gồm, nhưng không giới hạn ở các tai họa thiên nhiên như động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa mà không thể thực hiện được Công Việc theo quy định pháp luật, các sự kiện khác như chiến tranh, phong toả hoặc cấm vận, chiếm đóng, nội chiến, nổi loạn, phá hoại hay rối loạn xã hội hoặc bất kỳ việc công bố, ban hành, thay đổi văn bản pháp luật, chính sách của Cơ quan có thẩm quyền (mà Hai Bên không thể lường trước được) làm gián đoạn, gây trở ngại hoặc ngăn cản việc thực hiện nghĩa vụ của Một Bên và/hoặc Các Bên phát sinh từ Hợp Đồng này cũng như việc thực hiện Hợp Đồng..
- 16.2. Các Bên thoả thuận rằng cả Hai Bên với nỗ lực cao nhất của mình sẽ tiến hành các biện pháp phù hợp để ngăn chặn hoặc khắc phục hậu quả của Sự Kiện Bất Khả Kháng.
- 16.3. Trừ trường hợp Hợp Đồng có quy định khác, không Bên nào bị coi là vi phạm Hợp Đồng này, hoặc phải chịu trách nhiệm trước Bên kia do bất cứ sự chậm trễ nào trong việc thực hiện hoặc không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này do Sự Kiện Bất Khả Kháng gây ra, với các điều kiện là:
- a) Sự Kiện Bất Khả Kháng là nguyên nhân trực tiếp và gần nhất làm cho Bên đó bị cản trở hoặc chậm trễ trong việc thực hiện Hợp Đồng.
 - b) Bên Bị ảnh hưởng thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết về việc xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng đó trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày biết việc xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, trong đó trình bày rõ các chi tiết của Sự Kiện Bất Khả Kháng đã ngăn cản Bên đó thực hiện Hợp Đồng và nêu các biện pháp khắc phục được Bên đó đã, đang, sẽ thực hiện, dự kiến thời gian khắc phục Sự Kiện Bất Khả Kháng (nếu có khả năng).
 - c) Nghĩa vụ của Các Bên theo Hợp Đồng này chỉ được giải phóng trong khoảng thời gian của Sự Kiện Bất Khả Kháng và trong chừng mực Sự Kiện Bất Khả Kháng ngăn trở việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên đó, với điều kiện là các biện pháp ngăn ngừa hợp lý đã được Bên đó thực hiện nhưng không đạt kết quả.

- 16.4. Nếu do hậu quả của Sự Kiện Bất Khả Kháng mà Một Bên hoặc Các Bên không thể tiếp tục thực hiện được các thỏa thuận tại Hợp Đồng này trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng thì Các Bên sẽ cùng nhau bàn bạc về việc chấm dứt hoặc tiếp tục thực hiện Hợp Đồng và giải quyết các hậu quả phát sinh.

Điều 17. Bồi thường thiệt hại

- 17.1. Bên B phải bồi thường và gánh chịu những thiệt hại cho Bên A, Nhân Lực của Bên A và Bên Thứ Ba có liên quan đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm cả các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

17.1.1 Tổn hại tính mạng, sức khỏe của bất cứ người nào xảy ra do nguyên nhân từ việc thực hiện Công Việc của Bên B, trừ trường hợp nguyên nhân xuất phát từ việc cầu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp Đồng bởi Bên A, Nhân Lực của Bên A và Bên Thứ Ba có liên quan, hoặc bất kỳ người đại diện riêng nào của họ mà không có bất kỳ lỗi gì của Bên B.

17.1.2 Hỏng hóc hay mất mát đối với tài sản, bất động sản phát sinh từ hoặc trong quá trình thực hiện Công Việc của Bên B được quy do sự bất cẩn, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp Đồng bởi Bên B, Nhân Lực của Bên B, hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được Bên B thuê.

Những thiệt hại này sẽ chỉ là những thiệt hại do Bên B đền bù vì lỗi đã gây ra.

Những thiệt hại này không làm giảm nhẹ đi cho Bên B nghĩa vụ hoàn thành Công Việc hoặc bất cứ trách nhiệm, nghĩa vụ nào theo quy định của Hợp Đồng.

17.1.3 Bên A phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên B, Nhân Lực của Bên B đối với các khiếu nại, thiệt hại, mất mát và chi phí liên quan đến tổn hại tính mạng, sức khỏe, tài sản do sự cầu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp Đồng bởi Bên A, Nhân Lực của Bên A mà không có lỗi của Bên B hoặc Nhân Lực của Bên B.

Điều 18. Phạt vi phạm Hợp Đồng

- 18.1. Phạt vi phạm về tiến độ:

18.1.1 Nếu tiến độ, bất kể là tiến độ từng phần hoặc mốc tiến độ, bị chậm quá 15 (mười lăm) ngày, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng hoặc giao cho một Nhà thầu khác thực hiện phần Công Việc bị chậm mà không cần sự đồng ý của Bên B. Bên B phải bồi thường cho Bên A các chi phí phát sinh liên quan đến việc thay thế Nhà thầu thực hiện công việc, bao gồm cả phần chênh lệch đơn giá giữa hai Nhà thầu và chịu mức phạt 2% (hai phần trăm) giá trị khối lượng công việc bị thay thế.

18.1.2 Trường hợp Bên B chậm tiến độ thực hiện Công Việc theo bản tiến độ chi tiết được Bên A phê duyệt mà không do Sự Kiện Bất Khả Kháng và/hoặc không do lỗi của Bên A, Bên B sẽ chịu phạt 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho mỗi ngày chậm tiến độ, trường hợp đến khi hoàn thành hợp đồng mà bên B đạt được tiến độ hợp đồng thì bên A sẽ thưởng lại cho Bên B toàn bộ giá trị đã phạt do chậm tiến độ. Tổng số tiền phạt chậm tiến độ không quá 12% giá trị Hợp đồng. Nếu tổng số tiền phạt quá 12% giá trị HĐ thì Bên A có quyền

đơn phương chấm dứt Hợp đồng và không phải bồi thường bất cứ chi phí nào cho Bên B.

18.1.3 Nếu Bên B chậm hoàn thành Công Việc theo quy định của Hợp Đồng mà không do Sự Kiện Bất Khả Kháng và/hoặc không do lỗi của Bên A, Bên B sẽ chịu phạt 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) cho mỗi ngày chậm tiến độ, nhưng tổng tiền phạt không vượt quá 12% (*mười hai phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng.

18.1.4 Trường hợp Bên A tự bỏ chi phí để khắc phục tiến độ, các sự cố do Bên B gây ra hoặc chất lượng thi công không đảm bảo, Bên B phải chịu toàn bộ chi phí mà Bên A đã bỏ ra và chịu phạt thêm 10% Chi phí Bên A đã chi trả để khắc phục tiến độ, sự cố, chất lượng; Và Bên B không có quyền khiếu nại.

18.2. Phạt vi phạm về chất lượng:

18.2.1 Nếu Bên B cung cấp Vật Tư kém chất lượng hoặc không đúng mẫu mã, chủng loại quy định tại Hợp Đồng này, Bên B phải đổi/thay thế Vật Tư đúng chất lượng, chủng loại theo quy định của Hợp Đồng trong vòng 24 (*hai mươi bốn*) giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo của Bên A. Nếu Bên B vi phạm nghĩa vụ này quá 02 (*hai*) lần, Bên B sẽ bị phạt 01% (*một phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng cho mỗi lỗi vi phạm tiếp theo.

18.2.2 Trường hợp công việc thi công không đạt yêu cầu về chất lượng theo quy định của Hợp Đồng và Bên B đã chỉnh sửa quá 02 (*hai*) lần mà vẫn không đạt yêu cầu, Bên B sẽ bị phạt 01% (*một phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng cho mỗi lỗi vi phạm và/hoặc lần chỉnh sửa nhưng tổng tiền phạt không vượt quá 12% (*mười hai phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng.

18.3. Phạt vi phạm an toàn lao động và huy động nhân sự:

18.3.1 Phạt vi phạm an toàn lao động: Tuân thủ theo Quy định của Bên A ban hành.

18.3.2 Phạt vi phạm huy động nhân sự: Trường hợp Bên B huy động nhân sự không tuân thủ số lượng tối thiểu quy định tại hồ sơ mời thầu, ***biểu tiến độ huy động nhân sự được Chủ đầu tư phê duyệt*** thì bên B sẽ phải chịu **phạt 01 triệu đồng/người/1 ngày**.

18.4. Các khoản phạt Hợp Đồng khác:

18.4.1 Nếu Bên B không thực hiện việc quyết toán và/hoặc thanh lý theo khoản 7.5 Điều 7 của Hợp Đồng thì Bên B sẽ phải chịu phạt 01% (*một phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng cho mỗi ngày chậm trễ nhưng tổng tiền phạt không vượt quá 12% (*mười hai phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng. Ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng được coi là mốc để tính thời hạn nộp hồ sơ quyết toán.

18.4.2 Không mâu thuẫn với các điều khoản khác của Hợp Đồng này, trong trường hợp đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A khi Bên B vi phạm các điều khoản Hợp đồng theo quy định tại điểm 14.2.1 khoản 14.2 Điều 14 của Hợp Đồng, Bên B sẽ bị phạt 08% (*tám phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng và phải hoàn trả lại cho Bên A toàn bộ số tiền tạm ứng, thanh toán đã nhận được trước đó.

18.4.3 Nếu Bên B không gia hạn bất kỳ bảo lãnh nào theo quy định của Hợp Đồng và/hoặc yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ bị phạt 12% (mười hai phần trăm) giá trị bảo lãnh không được gia hạn đó.

Điều 19. Giải quyết tranh chấp;

- 19.1. Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận nêu trên, không được đơn phương thay đổi hoặc huỷ bỏ Hợp Đồng. Nếu có sự thay đổi Hai Bên sẽ cùng nhau bàn bạc, thống nhất và bổ sung bằng phụ lục Hợp Đồng.
- 19.2. Trong trường hợp có nội dung tranh chấp Hai Bên không thể giải quyết thông qua thương lượng thì một trong Hai Bên có quyền đưa vụ việc tranh chấp ra Tòa án nhân dân tại tỉnh Khánh Hòa để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc Các Bên phải thực hiện. Mọi án phí và các chi phí liên quan khác do Bên thua kiện chịu

Điều 20. Thanh lý Hợp Đồng

- 20.1. Hợp Đồng được thanh lý trong trường hợp:
- 20.1.1 Các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp Đồng đã ký;
- 20.1.2 Hợp Đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của Điều 14 của Hợp Đồng [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A], Điều 15 của Hợp Đồng [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên B]
- 20.2. Việc thanh lý Hợp Đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Các Bên tham gia Hợp Đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp Đồng hoặc Hợp Đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo Điểm 20.1.2 Khoản 20.1 Điều này.
- 20.3. Chấm dứt trách nhiệm của Bên giao thầu.
Bên A sẽ không chịu trách nhiệm với Bên B về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo Hợp Đồng hoặc liên quan đến Hợp Đồng sau khi thanh lý Hợp Đồng.

Điều 21. Điều khoản chung

- 21.1. Hai Bên cùng cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong Hợp Đồng, không Bên nào được tự ý đơn phương ngừng việc thực hiện Hợp Đồng.
- 21.2. Hợp Đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến Hợp Đồng sẽ được Các Bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.
- 21.3. Hợp Đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.
- 21.4. Hợp Đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung chưa thoả thuận trong Hợp Đồng này sẽ được áp dụng theo các quy định của Pháp Luật hiện hành./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC A: BẢNG CHI TIẾT GIÁ HỢP ĐỒNG
(Kèm theo Hợp Đồng Số:)

Gói thầu:

Địa điểm:



PHỤ LỤC B: BẢNG YÊU CẦU VẬT LIỆU THI CÔNG
(Kèm theo Hợp Đồng Số:)

Gói thầu:

Địa điểm:

TT	Tên vật liệu	Yêu cầu kỹ thuật/tiêu chuẩn áp dụng	Nguồn gốc xuất xứ
1			



PHỤ LỤC C. CÁC MẪU BẢO LÃNH

MẪU - THƯ BẢO LÃNH HOÀN TRẢ TIỀN ỨNG TRƯỚC

Ngày tháng năm 202...

Kính gửi:

(Địa chỉ:.....)

Căn cứ Hợp đồng số giữa Công ty (sau đây gọi là “**Bên A**”) và Công ty (sau đây gọi là “**Bên B**”) về việc

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều của Hợp đồng, Bên B phải cung cấp cho Bên A một bảo lãnh Ngân hàng để đảm bảo cho Bên B sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng..... VNĐ (Bằng chữ:đồng).

Chúng tôi, Ngân hàng có trụ sở đăng ký tại (sau đây gọi là “**Ngân hàng**”), cam kết thanh toán vô điều kiện, không huỷ ngang cho Bên A ngay sau khi nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản của Bên A với một khoản tiền không vượt quá:VNĐ (Bằng chữ:đồng) thông báo Bên B đã không sử dụng, hoàn trả hoặc hoàn trả không đầy đủ số tiền tạm ứng theo các điều kiện nêu đúng mục đích khoản tiền tạm ứng như quy định trong Hợp đồng này. Ngân hàng thanh toán số tiền bảo lãnh trên mà Bên A không phải giải thích hay xuất trình bất kỳ tài liệu nào liên quan khác.

Ngoài ra, Ngân hàng đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của Hợp đồng hoặc bất kỳ tài liệu nào liên quan tới Hợp đồng được ký giữa Bên A và Bên B sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Thư bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Bên B nhận được tiền tạm ứng của Bên A cho đến hết khi Bên A thu hồi hết số tiền tạm ứng.

Thư bảo lãnh này chỉ phát hành một bản duy nhất không có giá trị chuyển nhượng và tuân theo Luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra toà án có thẩm quyền để giải quyết.

Đại diện và thay mặt Ngân hàng

MẪU - THƯ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Ngày tháng năm 202...

Kính gửi:

(Địa chỉ:.....)

Căn cứ Hợp đồng số giữa Công ty (sau đây gọi là “**Bên A**”) và Công ty (sau đây gọi là “**Bên B**”) về việc

Căn cứ điều kiện cụ thể của Hợp đồng, Bên B phải cung cấp cho Bên A một bảo lãnh Ngân hàng với số tiền được xác định trong Hợp đồng để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B trong việc thực hiện Hợp đồng.

Chúng tôi, Ngân hàng có trụ sở đăng ký tại (sau đây gọi là “**Ngân hàng**”), cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện Hợp đồng nêu trên và thay mặt cho Bên B chịu trách nhiệm cho Bên A bằng một khoản tiền là: **VND** (Bằng chữ: đồng).

Ngân hàng cam kết thanh toán vô điều kiện, không huỷ ngang cho Bên A bất kỳ khoản tiền nào trong giới hạn: **VND** (Bằng chữ: đồng) như đã nêu trên ngay khi nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản của Bên A thông báo Bên B vi phạm Hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng này. Ngân hàng thanh toán số tiền bảo lãnh trên mà Bên A không phải giải thích hay xuất trình bất kỳ tài liệu nào liên quan khác.

Ngoài ra, Ngân hàng đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của Hợp đồng hoặc bất kỳ tài liệu nào liên quan tới Hợp đồng được ký giữa Bên A và Bên B sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Thư bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày **phát hành** đến khi Bên B hoàn thành xong các nghĩa vụ của Hợp đồng và được Bên A nghiệm thu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành. Bất cứ yêu cầu nào liên quan đến thư bảo lãnh này phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn nói trên.

Thư bảo lãnh này chỉ phát hành một bản duy nhất không có giá trị chuyển nhượng và tuân theo Luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra toà án có thẩm quyền để giải quyết.

Đại diện và thay mặt Ngân hàng



MẪU - THƯ BẢO LÃNH BẢO HÀNH

Ngày tháng năm 202...

Kính gửi:

(Địa chỉ:.....)

Căn cứ Hợp đồng số giữa Công ty (sau đây gọi là “**Bên A**”) và Công ty (sau đây gọi là “**Bên B**”) về việc

Căn cứ điều kiện cụ thể của Hợp đồng, Bên B phải cung cấp cho Bên A một bảo lãnh Ngân hàng với số tiền được xác định trong Hợp đồng để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B trong việc bảo hành.

Chúng tôi, Ngân hàng có trụ sở đăng ký tại (sau đây gọi là “**Ngân hàng**”), cam kết bảo lãnh cho việc bảo hành nêu trên và thay mặt cho Bên B chịu trách nhiệm cho Bên A bằng một khoản tiền là: VNĐ (Bằng chữ: đồng).

Ngân hàng cam kết thanh toán vô điều kiện, không huỷ ngang cho Bên A bất kỳ khoản tiền nào trong giới hạn: VNĐ (Bằng chữ: đồng) như đã nêu trên ngay khi nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản của Bên A thông báo Bên B vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm bảo hành trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh bảo hành này. Ngân hàng thanh toán số tiền bảo lãnh trên mà Bên A không phải giải thích hay xuất trình bất kỳ tài liệu nào liên quan khác.

Ngoài ra, Ngân hàng đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của Hợp đồng hoặc bất kỳ tài liệu nào liên quan tới Hợp đồng được ký giữa Bên A và Bên B sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Thư bảo lãnh này có hiệu lực tháng kể từ ngày phát hành. Bất cứ yêu cầu nào liên quan đến thư bảo lãnh này phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn nói trên.

Thư bảo lãnh này chỉ phát hành một bản duy nhất không có giá trị chuyển nhượng và tuân theo Luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra toà án có thẩm quyền để giải quyết.

Đại diện và thay mặt Ngân hàng



